

LỜI NÓI ĐẦU

TSCĐ (TSCĐ) là bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng nhất của vốn kinh doanh. TSCĐ là yếu tố sống còn đối với sự tồn tại của bất kỳ DN nào. Nó không những phản ánh năng lực sản xuất, trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng khoa học tiên bộ vào sản xuất mà còn phản ánh được bộ phận vốn kinh doanh của DN. TSCĐ xét về mặt tồn tại thì nó là điều kiện cần có để DN được thành lập, xét về mặt tồn tại thì nó là điều kiện cần thiết để tiết kiệm sức lao động và nâng cao năng suất lao động. Do vậy TSCĐ giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh để tạo ra hàng hoá và dịch vụ.

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển DN phải biết cách kinh doanh và phải kinh doanh có hiệu quả. Vấn đề hiệu quả là vấn đề sống còn của bất kỳ DN nào, nó quyết định DN đó sẽ tồn tại, phát triển hay đi vào con đường phá sản. Để nâng cao hiệu quả quản lý TSCĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì DN phải xây dựng được chế độ quản lý khoa học, toàn diện đối với TSCĐ để có thể sử dụng hợp lý, đầy đủ, phát huy hết công suất của TSCĐ,... Vì vậy các DN phải khẩn trương chấn chỉnh công tác quản lý kinh tế, mà trước hết là kế toán. Hiệu quả sử dụng TSCĐ quyết định hiệu quả sử dụng vốn của DN. Kế toán với chức năng và nhiệm vụ của mình là một công cụ đắc lực của quản lý, cung cấp các thông tin chính xác và kịp thời cho quản lý. Tổ chức kế toán TSCĐ là một khâu của kế toán và là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng TSCĐ.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Tùng Phát là một đơn vị kinh tế cơ sở của nền kinh tế quốc dân. Trong những năm gần đây, TSCĐ có nhiều biến động theo các nguồn khác nhau. Vì vậy, quản lý và sử dụng TSCĐ một cách hiệu quả để thu hồi vốn nhanh và đạt doanh thu cao cho công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề quản lý và sử dụng TSCĐ, nên em xin tìm hiểu và nghiên cứu đề tài: ***“Tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Tùng Phát ”*** nhằm vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Tuy nhiên, trong phạm vi hiểu biết của mình sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự hướng dẫn, chỉ bảo của cán bộ kế toán

trong công ty, *T.S Nghiêm Thị Thà* đã trực tiếp hướng dẫn thực tập và các thầy cô trong khoa để em có thể hiểu vấn đề được sâu sắc hơn.

Nội dung của khoá luận được chia làm 3 phần chính:

Phần I: Lý luận chung về tổ chức kế toán TSCĐ với việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong DN.

Phần II: Thực tế tổ chức kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Tùng Phát.

Phần III: Các giải pháp hoàn thiện kế toán TSCĐ tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Tùng Phát.

Trong thời gian thực tập tại công ty em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của Công ty, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty, và phòng kế toán của công ty.

Hải Phòng, ngày tháng năm

SINH VIÊN

Hoàng Thị Hồng Hương

PHẦN I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DN :

1.1.1 TSCĐ:

Để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh các DN cần phải có ba yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động, và sức lao động. TSCĐ là tư liệu lao động là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, tuy nhiên không phải tất cả các tư liệu lao động của DN đều là TSCĐ mà một tư liệu lao động muốn trở thành TSCĐ phải thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định hiện hành (QĐ 206/203/BTC ban hành ngày 12/12/2003)

1.1.1.1 Khái niệm:

Tư liệu lao động là phương tiện lao động để chuyển đổi đối tượng lao động thành sản phẩm, do vậy, yếu tố tư liệu lao động quyết định sự tiến bộ hay lạc hậu của sản xuất. Bộ phận quan trọng nhất của tư liệu lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh của DN là TSCĐ. Tư liệu lao động chia làm 2 nhóm: TSCĐ và công cụ lao động nhỏ.

Sở dĩ có sự phân chia làm 2 loại tài sản vì tư liệu lao động có nhiều loại, mỗi loại có đặc tính riêng về giá trị và giá trị sử dụng, thời gian sử dụng. Thực tế những tài sản có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài: máy móc, nhà xưởng... được tập hợp lại gọi là TSCĐ.

1.1.1.2 Đặc điểm của TSCĐ:

Trong quá trình sản xuất, mặc dù TSCĐ bị hao mòn, xong chúng vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu. Chỉ khi nào chúng đã bị hao mòn, hư hỏng hoàn toàn hoặc xét thấy không có lợi về mặt kinh tế thì khi đó mới cần được thay thế, đổi mới. Cụ thể:

- * Về mặt hiện vật: TSCĐ tham gia hoàn toàn và nhiều lần trong sản xuất, nhưng giá trị sử dụng giảm dần cho đến khi hư hỏng hoàn toàn loại ra khỏi sản xuất.

- * Về mặt giá trị: TSCĐ được biểu hiện dưới hai hình thái:

- + Một bộ phận giá trị tồn tại dưới hình thái ban đầu gắn với hiện vật TSCĐ.

+ Một bộ phận giá trị chuyển vào sản phẩm mà TSCĐ sản xuất ra và bộ phận này sẽ chuyển hoá thành tiền khi bán được sản phẩm.

Bộ phận thứ nhất ngày càng giảm, bộ phận thứ hai ngày càng tăng cho đến khi bằng giá trị ban đầu của TSCĐ thì kết thúc quá trình vận động. Như vậy, khi tham gia vào quá trình sản xuất, nhìn chung TSCĐ khôn bị thay đổi hình thái hiện vật nhưng tính năng công suất bị giảm dần, tức là nó bị hao mòn và cùng với sự giảm dần về giá trị sử dụng thì giá trị của nó cũng giảm đi. Bộ phận giá trị hao mòn đó đã chuyển vào giá trị sản phẩm mà nó sản xuất ra và được coi là khấu hao.

Bên cạnh đặc điểm nêu trên, một tư liệu lao động chỉ được coi là TSCĐ khi nó là sản phẩm của lao động. Do đó, TSCĐ không chỉ có giá trị sử dụng mà còn có giá trị. Nói một cách khác, TSCĐ phải là một hàng hoá như mọi hàng hoá thông thường khác. Thông qua mua bán trao đổi, nó có thể được chuyển quyền sở hữu và quyền sử dụng từ chủ thể này sang chủ thể khác trên thị trường tư liệu sản xuất.

Theo Q Đ 206/2003/BTC do Bộ trưởng BTC ra ngày 12/12/2003 có quy định :

1.1.1.3 Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ:

1. Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ hữu hình:

Tư liệu lao động là từng tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là TSCĐ:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. NG tài sản phải được xác định một cách tin cậy;
- c. Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- d. Có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng TSCĐ đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu

chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm, thì từng con súc vật thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

2. Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình:

Mọi khoản chi phí thực tế mà DN đã chi ra thoả mãn đồng thời cả bốn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, mà không hình thành TSCĐ hữu hình thì được coi là TSCĐ vô hình. Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả bốn tiêu chuẩn nêu trên thì được kế toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của DN.

Riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN nếu thoả mãn được bảy điều kiện sau:

- a. Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
- b. DN dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- c. DN có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- d. Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- đ. Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- e. Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;
- g. Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho TSCĐ vô hình.

Chi phí thành lập DN, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi thành lập DN, chi phí cho giai đoạn nghiên cứu, chi phí chuyển dịch địa điểm, lợi thế thương mại không phải là TSCĐ vô hình mà được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm kể từ khi DN bắt đầu hoạt động.

1.1.1.4 Xác định NG của TSCĐ:**1. Xác định NG TSCĐ hữu hình:****a. TSCĐ hữu hình mua sắm:**

NG TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ) là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay đầu tư cho TSCĐ; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ...

Trường hợp TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp, NG TSCĐ mua sắm là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ... Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được kế toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào NG của TSCĐ hữu hình theo quy định vốn hóa chi phí lãi vay.

b. TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi:

NG TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ...

NG TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một TSCĐ hữu hình tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

c. TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:

NG TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ cộng (+) các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan

phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá mức quy định trong xây dựng hoặc tự sản xuất).

d. NG TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đối với TSCĐ là con súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì NG là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành tính đến thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan.

đ. TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến...

NG TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến... là giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ ở các đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển... hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cộng (+) các chi phí mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có)...

Riêng NG TSCĐ hữu hình điều chuyển giữa các đơn vị thành viên kế toán phụ thuộc trong DN là NG phản ánh ở đơn vị bị điều chuyển phù hợp với bộ hồ sơ của TSCĐ đó. Đơn vị nhận TSCĐ căn cứ vào NG, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ kế toán và bộ hồ sơ của TSCĐ đó để phản ánh vào sổ kế toán. Các chi phí có liên quan tới việc điều chuyển TSCĐ giữa các đơn vị thành viên kế toán phụ thuộc không kế toán tăng NG TSCĐ mà kế toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

e. TSCĐ hữu hình được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa... :

NG TSCĐ hữu hình loại được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa... là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cộng (+) các chi phí mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ...

2. Xác định NG TSCĐ vô hình:

a. TSCĐ vô hình loại mua sắm:

NG TSCĐ vô hình loại mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trả chậm, trả góp, NG TSCĐ là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được kế toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào NG của TSCĐ vô hình theo quy định vốn hóa chi phí lãi vay.

b. TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi:

NG TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

NG TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một TSCĐ vô hình tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

c. TSCĐ vô hình hình được tạo ra từ nội bộ DN:

NG TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu thiết kế, xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để DN có nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không được xác định là TSCĐ vô hình mà kế toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

d. TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng:

NG TSCĐ vô hình được cấp, được biểu, được tặng là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

đ. Quyền sử dụng đất:

NG của TSCĐ là quyền sử dụng đất (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất lâu dài): là tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Trường hợp DN thuê đất thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình.

e. Quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế:

NG của TSCĐ là quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế: là toàn bộ các chi phí thực tế DN đã chi ra để có quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế.

g. Nhãn hiệu hàng hóa:

NG của TSCĐ là nhãn hiệu hàng hóa: là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

h. Phần mềm máy vi tính:

NG của TSCĐ là phần mềm máy vi tính (trong trường hợp phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan): là toàn bộ các chi phí thực tế DN đã chi ra để có phần mềm máy vi tính.

3. NG TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tài sản tối thiểu, thì NG ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Chi phí phát sinh ban đầu liên quan trực tiếp đến hoạt động thuê tài chính được tính vào NG của TSCĐ đi thuê.

4. NG TSCĐ của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể thành lập DN tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà không còn hóa đơn, chứng từ là giá trị

hợp lý do DN tự xác định tại thời điểm đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của giá trị đó.

Trường hợp giá trị TSCĐ do DN tự xác định lớn hơn so với giá bán thực tế của TSCĐ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường, thì DN phải xác định lại giá trị hợp lý của TSCĐ làm căn cứ tính thuế thu nhập DN; nếu giá trị TSCĐ vẫn chưa phù hợp với giá bán thực tế trên thị trường, cơ quan thuế có quyền yêu cầu DN xác định lại giá trị của TSCĐ thông qua Hội đồng định giá ở địa phương hoặc tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

5. NG TSCĐ trong DN chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- a. Đánh giá lại giá trị TSCĐ theo quy định của pháp luật;
- b. Nâng cấp TSCĐ;
- c. Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ.

Khi thay đổi NG TSCĐ, DN phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu NG, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế của TSCĐ và tiến hành kế toán theo các quy định hiện hành.

6. Việc phản ánh tăng, giảm NG TSCĐ được thực hiện tại thời điểm tăng, giảm TSCĐ.

1.1.1.5 Nguyên tắc quản lý TSCĐ:

Mọi TSCĐ trong DN phải có bộ hồ sơ riêng (bộ hồ sơ gồm có biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ khác có liên quan). TSCĐ phải được phân loại, thống kê, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo NG, sổ khấu hao lũy kế và giá trị còn lại trên sổ kế toán.

Đối với những TSCĐ không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 9 của QĐ 206/2003/BTC ban hành ngày 12/12/2003, DN quản lý TSCĐ này theo NG, sổ giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ kế toán.

DN phải thực hiện việc quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng

vẫn tham gia vào hoạt động kinh doanh như những TSCĐ bình thường.

Định kỳ vào cuối mỗi năm tài chính, DN phải tiến hành kiểm kê TSCĐ. Mọi trường hợp phát hiện thừa, thiếu TSCĐ đều phải lập biên bản, tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý.

1.1.1.6 Nâng cấp, sửa chữa TSCĐ:

1. Các chi phí DN chi ra để nâng cấp TSCĐ được phản ánh tăng NG của TSCĐ đó, không được kế toán các chi phí này vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

2. Các chi phí sửa chữa TSCĐ được coi như khoản phí tổn và được kế toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, nhưng tối đa không quá 3 năm.

Đối với một số ngành có chi phí sửa chữa TSCĐ lớn và phát sinh không đều giữa các kỳ, các năm, DN được trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với điều kiện sau khi trích trước DN vẫn kinh doanh có lãi. DN phải lập kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

DN phải quyết toán chi phí sửa chữa thực tế phát sinh với chi phí sửa chữa đã trích trước. Nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số đã trích thì phần chênh lệch được kế toán toàn bộ hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ nhưng tối đa không quá 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được kế toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

3. Các chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được đánh giá một cách chắc chắn, làm tăng lợi ích kinh tế của TSCĐ vô hình so với mức hoạt động ban đầu, thì được phản ánh tăng NG TSCĐ. Các chi phí khác liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được kế toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.1.7 Cho thuê, cầm cố, thế chấp, nhượng bán, thanh lý TSCĐ:

1. Mọi hoạt động cho thuê, cầm cố, thế chấp, nhượng bán, thanh lý... TSCĐ phải tuân theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành

2. Đối với thuê TSCĐ hoạt động:

- DN đi thuê phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng TSCĐ theo các quy định trong hợp đồng thuê. Chi phí thuê TSCĐ được kế toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- DN cho thuê, là chủ sở hữu, phải theo dõi, quản lý TSCĐ cho thuê.

3. Đối với thuê TSCĐ tài chính:

- DN đi thuê phải theo dõi, quản lý, sử dụng TSCĐ đi thuê như TSCĐ thuộc sở hữu của DN và phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng thuê TSCĐ.

- DN cho thuê, với tư cách là chủ đầu tư, phải theo dõi và thực hiện đúng các quy định trong hợp đồng cho thuê TSCĐ.

4. Đối với giao dịch bán và thuê lại TSCĐ:

- Trường hợp DN bán và cho thuê lại TSCĐ là thuê hoạt động, DN phải thực hiện như quy định đối với DN đi thuê TSCĐ hoạt động. Các khoản chênh lệch phát sinh khi giá bán thỏa thuận, tiền thuê lại TSCĐ ở mức thấp hơn hoặc cao hơn giá trị hợp lý được kế toán ngay vào thu nhập trong kỳ phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí theo quy định.

- Trường hợp DN bán và thuê lại TSCĐ là thuê tài chính, DN phải thực hiện như quy định đối với DN đi thuê TSCĐ tài chính. Khoản chênh lệch giữa thu nhập bán tài sản với GTCL trên sổ kế toán được tính vào thu nhập theo quy định.

5. Hội đồng giao nhận, Hội đồng thanh lý, Hội đồng nhượng bán... TSCĐ trong DN do DN quyết định thành lập gồm các thành viên bắt buộc là Giám đốc DN, Kế toán trưởng của DN, một chuyên gia kỹ thuật am hiểu về loại TSCĐ (trong hay ngoài DN), đại diện bên giao tài sản (nếu có) và các thành viên khác do DN quyết định. Trong những trường hợp đặc biệt hoặc theo quy định của chế độ quản lý tài chính hiện hành, DN mời thêm đại diện cơ quan tài chính trực tiếp quản lý và cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (nếu có) cùng tham gia các Hội đồng này.

1.1.2 Yêu cầu quản lý TSCĐ trong DN:

Quản lý là một quá trình định hướng và tổ chức thực hiện các hướng đã định trên cơ sở những nguồn lực xác định nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Yêu cầu quản lý TSCĐ đó là:

+ Phải quản lý TSCĐ như là một yếu tố cơ bản của sản xuất kinh doanh, góp phần tạo ra năng lực sản xuất đơn vị. Do đó kế toán phải cung cấp thông tin về số lượng TSCĐ hiện có tại đơn vị, tình hình biến động của TSCĐ trong đơn vị.

+ Phải quản lý TSCĐ như là một bộ phận vốn cơ bản, đầu tư dài hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, có tốc độ chu chuyển chậm tính bằng nhiều năm tài chính, có độ rủi ro lớn. Vì vậy kế toán phải cung cấp những thông tin về các loại vốn đã đầu tư cho tài sản và chi tiết vốn đầu tư cho chủ sở hữu, phải biết được nhu cầu vốn cần thiết để đầu tư mới cũng như để sửa chữa TSCĐ.

+ Phải quản lý phần giá trị TSCĐ đã sử dụng như là một bộ phận chi phí của sản xuất kinh doanh. Do đó, yêu cầu kế toán phải tính đúng, tính đủ mức khấu hao trích tùy từng kỳ kinh doanh theo hai mục đích: thu hồi được vốn đầu tư hợp lý và đảm bảo khả năng tái sản xuất và có kế hoạch đầu tư mới khi cần thiết.

1.1.3 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán TSCĐ tại DN:

Do TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật của sản xuất, là điều kiện quan trọng để tăng NSLĐ xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân nên cần sự tăng thêm và đổi mới không ngừng. Điều đó có tác dụng quyết định đến yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý và sử dụng TSCĐ. Mỗi ngành, mỗi địa phương cũng như từng DN phải đề cao trách nhiệm làm chủ các nguồn vốn, bảo tồn và bảo vệ an toàn triệt để, có hiệu quả cao mọi TSCĐ hiện có nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm và giữ vững được thị trường có đủ sức để cạnh tranh với DN khác. Hơn nữa kế toán TSCĐ rất phức tạp vì các nghiệp vụ về TSCĐ rất nhiều và thường có quy mô lớn, thời gian phát sinh dài như: mua sắm, xây dựng, khấu hao, sửa chữa, thanh lý... Thêm vào đó, yêu cầu về quản lý TSCĐ rất cao. Do vậy, để đảm bảo ghi chép kịp thời chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cung cấp những thông tin hữu hiệu nhất cho quản lý thì cần phải tổ chức kế toán TSCĐ một cách khoa học, tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa các yếu tố cấu thành nên bản chất của kế toán. Vì vậy có thể nói tổ chức kế toán TSCĐ là rất cần thiết.

1.1.4 Nhiệm vụ tổ chức kế toán TSCĐ:

Xuất phát từ đặc điểm, vị trí và vai trò của TSCĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán TSCĐ phải đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị, cũng

như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.

+ Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.

+ Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ quy định.

+ Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐ về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.

+ Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng giảm NG TSCĐ cũng như tình hình quản lý, nhượng bán TSCĐ.

+ Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận phụ thuộc trong các DN thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐ, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và kế toán TSCĐ đúng chế độ quy định.

+ Tham gia kiểm tra đánh giá lại TSCĐ theo quy định của nhà nước và yêu cầu bảo quản vốn, tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động bảo quản, sử dụng TSCĐ tại đơn vị.

1.1.5 Phân loại TSCĐ:

1.1.5.1 Sự cần thiết phải phân loại TSCĐ:

TSCĐ có nhiều loại nhiều thứ, có đặc điểm và yêu cầu quản lý khác nhau. Do vậy để tiện cho công tác quản lý và kế toán TSCĐ thì phân loại TSCĐ là điều rất cần thiết. Nhờ vào việc phân loại chúng ta sẽ biết được chất lượng cơ cấu của từng loại TSCĐ hiện có trong nền kinh tế quốc dân nói chung và trong từng DN nói riêng. Tài liệu của phân loại TSCĐ được dùng để xác lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sửa chữa lớn, hiện đại hoá TSCĐ, nếu phân loại chính xác TSCĐ sẽ tạo điều kiện phát huy hết tác dụng của TSCĐ trong quá trình sản xuất, đồng thời phục vụ

tốt cho công tác thống kê, kế toán TSCĐ thành từng loại, từng nhóm theo những đặc trưng nhất định.

1.1.5.1 Phân loại:

Phân loại TSCĐ là việc phân chia toàn bộ TSCĐ hiện có của DN theo những tiêu thức nhất định nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý và kế toán TSCĐ. Thông thường, có 4 cách phân loại TSCĐ như sau:

- * Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện:

- + TSCĐ hữu hình

- + TSCĐ vô hình

- * Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu

- + TSCĐ tự có

- + TSCĐ thuê ngoài

- * Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành TSCĐ:

- + TSCĐ được mua sắm đầu tư do Nhà nước cấp.

- + TSCĐ được mua sắm đầu tư bằng nguồn vốn tự bổ sung.

- + TSCĐ được mua sắm đầu tư bằng nguồn vốn liên doanh.

- + TSCĐ được mua sắm đầu tư bằng nguồn vốn vay.

- * Phân loại TSCĐ theo nội dung và tình hình sử dụng:

- + TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh

- + TSCĐ hành chính sự nghiệp: là TSCĐ của các đơn vị hành chính sự nghiệp (như đoàn thể quần chúng, tổ chức y tế, văn hoá...)

- + TSCĐ phúc lợi

- + TSCĐ chờ xử lý

Phân loại TSCĐ góp phần quan trọng trong việc quản lý tài sản cũng như việc tổ chức kế toán TSCĐ nhanh chóng, chính xác, từ đó cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý nhằm cải tiến, thay đổi TSCĐ theo kịp với tiến trình phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Tùy theo quy mô và cách thức tổ chức quản lý của từng DN mà DN có thể tự phân hợp với quản lý và kế toán TSCĐ.

1.1.6. Đánh giá TSCĐ:

- + Khái niệm: Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị TSCĐ để ghi sổ kế toán.
- + Ý nghĩa của việc đánh giá TSCĐ.
- Đánh giá TSCĐ phục vụ cho yêu cầu quản lý và kế toán TSCĐ.
- Thông qua đó ta có được thông tin tổng hợp về tổng giá trị TSCĐ của DN.
- Chúng ta xác định được giá trị TSCĐ để tiến hành khấu hao.
- Sử dụng đánh giá TSCĐ để phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ trong DN.

Nguyên tắc đánh giá: nguyên tắc đánh giá TSCĐ là đánh giá theo NG.

NG TSCĐ chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- Đánh giá lại giá trị TSCĐ.
- Nâng cấp TSCĐ.
- Tháo dỡ một số bộ phận TSCĐ.

Khi thay đổi NG TSCĐ, DN phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu NG, giá trị còn lại trên sổ kế toán, số khấu hao lũy kế của TSCĐ và tiến hành kế toán theo các quy định hiện hành.

Chỉ tiêu hiện vật của TSCĐ là cơ sở lập kế hoạch, phân phối sử dụng và tái sản xuất TSCĐ. Trong kế toán và quản lý tổng hợp TSCĐ theo các chỉ tiêu tổng hợp của một đơn vị kinh tế cơ sở phải sử dụng chỉ tiêu giá trị của TSCĐ, mà muốn nghiên cứu mặt giá trị của TSCĐ phải tiến hành đánh giá chính xác từng loại thông qua hình thái tiền tệ. Đánh giá TSCĐ thực chất là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. TSCĐ được đánh giá lần đầu và có thể được đánh giá lại trong quá trình sử dụng. Do vậy, TSCĐ được đánh giá theo NG, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

1.1.6.1 Xác định NG TSCĐ:

Theo thông lệ kế toán Việt Nam, NG TSCĐ theo quy định của từng loại TSCĐ.

- + Xác định NG TSCĐ hữu hình:
- + TSCĐ loại mua sắm:

NG TSCĐ loại tài sản (kể cả mua mới và cũ), bao gồm: giá thực tế phải trả (giá mua ghi trên chứng từ); lãi tiền vay đầu tư cho TSCĐ khi chưa đưa TSCĐ vào sử dụng; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, các chi phí sửa chữa, tân trang trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng; chi phí lắp đặt, thuê và lệ phí trước bạ (nếu có)...

- + Tài sản cố định loại đầu tư xây dựng:

NG TSCĐ loại đầu tư xây dựng (cả tự làm và thuê ngoài) là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

Đối với TSCĐ là con súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì NG là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành cho tới khi đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

+ TSCĐ loại được cấp, được điều chuyển đến ...

NG TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến... bao gồm: giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ ở các đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển ... hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận và các chi phí tân trang; chi phí sửa chữa; chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận tài sản phải chi ra trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

Riêng NG TSCĐ điều chuyển giữa các đơn vị thành viên kế toán phụ thuộc trong DN là nguyên nhân phản ánh ở đơn vị bị điều chuyển phù hợp với hồ sơ của TSCĐ đó. Đơn vị nhận TSCĐ căn cứ vào NG, sổ khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ kế toán và bộ hồ sơ của TSCĐ đó để xác minh định các chỉ tiêu NG, sổ khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ và phản ánh vào sổ kế toán. Các chi phí có liên quan tới việc chuyển TSCĐ giữa các đơn vị thành viên kế toán phụ thuộc không kế toán tăng NG TSCĐ mà kế toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

+ TSCĐ được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa ...

NG TSCĐ loại được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa ... bao gồm: giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận; các chi phí tân trang, sửa chữa TSCĐ; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận phải chi ra trước khi đưa vào sử dụng.

+ Xác định NG TSCĐ vô hình:

Việc xác định NG của TSCĐ vô hình là phức tạp. Có những loại TSCĐ vô hình có thể định giá và mua bán được như: Vị trí kinh doanh, bản quyền, phát minh sáng chế, chi phí thành lập... Giá trị của những loại TSCĐ vô hình này được thể hiện bằng những khoản chi phí để mua chúng thông qua các văn bản sở hữu được luật pháp thừa nhận: kế ước, giấy chứng nhận sở hữu, hợp đồng. Bên cạnh đó cũng có những loại TSCĐ vô hình có giá trị lớn như uy tín của DN. Tuy nhiên các loại tài sản này lại không đo đếm được cụ thể và giá trị của chúng được thể hiện ở khả năng sinh lời của DN. Vì vậy, khi góp vốn liên doanh, người ta có thể góp vốn bằng tiền, bằng tài sản, đất đai, máy móc và bằng cả uy tín cá nhân, nghề nghiệp gia truyền ...

Cho tới nay việc xác định giá trị TSCĐ vô hình chủ yếu dựa vào phương thức ước lệ. Ở những nước có thị trường chứng khoán phát triển, giá của DN nói chung và những TSCĐ vô hình nói riêng được phản ánh theo sự lên xuống của giá cổ phiếu của DN. Chính do tính phức tạp về xác định của những TSCĐ vô hình nên hiện nay chỉ những TSCĐ vô hình nào được “mua” “bán” thì mới được phản ánh vào sổ kế toán. Số khác tuy là rất có giá nhưng không được phản ánh trên sổ sách kế toán nên chỉ được ghi nhận trong ý niệm. Vì vậy, NG TSCĐ vô hình được ghi trong sổ sách kế toán là tổng số tiền chi trả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến phát triển tài sản hoặc quyền thụ hưởng tài sản.

+ Xác định NG TSCĐ thuê tài chính.

NG TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê như đơn vị chủ sở hữu tài sản bao gồm: giá mua thực tế (giá mua ghi trên chứng từ); các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí sửa chữa, tân trang trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng; chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí trước bạ (nếu có)...

Phân chênh lệch giữa tiền thuê TSCĐ phải trả cho đơn vị thuê và NG TSCĐ đó được kế toán vào chi phí kinh doanh phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê tài chính.

1.1.6.2 Xác định giá trị hao mòn của TSCĐ:

a) Hao mòn:

Các tài sản trong quá trình sử dụng bị giảm giá trị và giá trị sử dụng do nhiều yếu tố khác nhau. Những nhân tố gây ảnh hưởng đến giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ làm chúng mất giá thường được chia làm hai nhóm: các nhân tố

hữu hình và các nhân tố vô hình. Do đó, người ta chia hao mòn TSCĐ thành hai loại là: hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

+ Hao mòn hữu hình: là sự giảm dần về mặt giá trị sử dụng và giá trị do chúng được sử dụng trong sản xuất hoặc do tác động của các yếu tố tự nhiên gây ra biểu hiện ở chỗ hiệu suất của TSCĐ giảm dần, cuối cùng bị hư hỏng, phải thanh lý TSCĐ bị hao mòn hữu hình. Trước hết do nó trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào quá trình SXKD, trong trường hợp này mức độ hao mòn tỷ lệ thuận với thời gian và cường độ sử dụng chúng. Ngoài nguyên nhân chủ yếu nên trong khi sử dụng và cả khi không sử dụng, tài sản còn bị hao mòn hữu hình do tác động của yếu tố tự nhiên như: độ ẩm, khí hậu thời tiết... Đặc biệt trong một số ngành như nông, lâm nghiệp, xây dựng, khai thác vận tải... TSCĐ phải hoạt động thường xuyên trong môi trường tự nhiên, do đó mức độ hao mòn của chúng thường lớn hơn so với ngành khác. Hình thức hao mòn này phát sinh một cách thường xuyên mức độ của chúng cao hay thấp tùy thuộc vào các yếu tố như: cường độ sử dụng, chế độ bảo quản, bảo dưỡng, điều kiện môi trường khí hậu xung quanh, trình độ người quản lý và sử dụng. Để giảm bớt hao mòn hữu hình trong quá trình sử dụng. TSCĐ phải được bảo quản tốt, lập kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, nâng cao trình độ người sử dụng và sử dụng tài sản đúng với tính năng kỹ thuật vốn có của nó.

+ Hao mòn vô hình: là sự giảm thuần túy về mặt giá trị của tài sản do có những TSCĐ cùng loại nhưng được sản xuất ra với giá rẻ hơn hoặc hiện đại hơn. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự hao mòn vô hình không phải là do chúng được sử dụng ít hay nhiều trong sản xuất mà do tiến bộ khoa học kỹ thuật. Trong điều kiện tăng trưởng mạnh mẽ về khoa học kỹ thuật hiện nay, người ta có thể sản xuất ra những máy móc, thiết bị cùng loại, cùng thông số kỹ thuật nhưng giá hạ hơn hoặc với giá không đổi nhưng có tính năng tác dụng, công suất cao hơn, tất yếu những máy móc sản xuất ở thời gian trước đây sẽ bị mất giá so với hiện tại. Sự mất giá đó chính là hao mòn vô hình. Hao mòn vô hình của TSCĐ còn xuất hiện khi chu kỳ sống của sản phẩm nào đó bị chấm dứt dẫn đến những máy móc thiết bị để chế tạo ra những sản phẩm đó cũng bị lạc hậu, mất tác dụng. Hao mòn vô hình của tài sản không có liên quan đến việc giảm giá trị sử dụng của nó. Trên thực tế, có những máy móc thiết bị có nguyên chưa sử dụng đã bị mất giá do hao mòn vô hình, đặc biệt những máy móc thiết bị trong ngành tin học, điện tử... Cũng có

những trường hợp máy móc thiết bị quy trình công nghệ... mới chỉ nằm trên dự án, dự thảo phát minh đã trở nên lạc hậu trong chính thời điểm đó. Điều này cho thấy hao mòn vô hình không chỉ diễn ra đối với TSCĐ hữu hình mà còn đối với TSCĐ vô hình. Khoa học kỹ thuật phát triển nhanh, khả năng hao mòn vô hình càng lớn. Để hạn chế hao mòn vô hình phải rút ngắn thời gian thu hồi vốn đầu tư ở TSCĐ.

b) Khấu hao TSCĐ:

Chúng ta đã biết vai trò của TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phục vụ cho quá trình SXKD. Đồng thời theo quan điểm kinh tế chính trị, một TSCĐ chỉ được mua khi nó thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng tức là TSCĐ đó có giá trị sử dụng hay có một lượng hữu dụng. Nhưng do đặc điểm của TSCĐ là tham gia vào nhiều chu kỳ hoạt động SXKD nên TSCĐ sẽ cung cấp một lượng giá trị sử dụng cho hoạt động của DN trong suốt thời gian sử dụng dự kiến của nó. Từ đó có thể nói rằng: khi mua TSCĐ để sử dụng thì ta cũng đồng nghĩa với việc kinh doanh đã mua một lượng giá trị sử dụng của TSCĐ đó để cung cấp cho DN trong một thời gian dài ở tương lai. Hoặc nói cách khác, DN đã ứng trước một số chi phí thời điểm mua TSCĐ để hy vọng nhận được một khối lượng dịch vụ trong tương lai khi sử dụng TSCĐ này. Với kết luận này, giá trị của TSCĐ được mua là một khoản chi phí ứng trước thì cần phải tính toán phân bổ chi phí TSCĐ để thu hồi được chi phí đầu tư ban đầu. Quá trình phân bổ chi phí này được gọi là khấu hao TSCĐ.

Số khấu hao lũy kế của TSCĐ: là tổng cộng số khấu hao đã trích vào chi phí kinh doanh qua các thời kỳ kinh doanh của TSCĐ tính đến thời điểm xác định.

***Một số quy định về khấu hao:**

* Việc phản ánh tăng, giảm NG TSCĐ được thực hiện theo nguyên tắc tròn tháng. TSCĐ tăng, giảm, ngừng tham gia vào hoạt động SXKD (đưa vào cất giữ theo quy định của nhà nước, chờ thanh lý...) trong tháng, được trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ từ ngày đầu của tháng tiếp theo.

* Mọi TSCĐ của DN có liên quan đến việc hoạt động kinh doanh đều phải trích khấu hao, mức trích khấu hao TSCĐ được kế toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Những TSCĐ không tham gia vào hoạt động kinh doanh thì không phải trích khấu hao bao gồm:

+ TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng đã có quyết định của hội đồng quản trị (đối với DN có hội đồng quản trị) hoặc cơ quan có quyết định thành lập DN (đối với DN không có hội đồng quản trị) cho phép DN được đưa vào cất giữ, bảo quản, điều động cho DN khác.

+ TSCĐ thuộc dự trữ nhà nước giao cho DN quản lý hộ, giữ hộ.

+ TSCĐ phục vụ các hoạt động phúc lợi trong DN như: nhà trẻ, câu lạc bộ, nhà truyền thống, nhà ăn...

+ Những TSCĐ phục vụ nhu cầu chung toàn xã hội, không phục vụ cho hoạt động kinh doanh của riêng DN như đê đập, cầu cống, đường xá,... mà nhà nước giao cho DN quản lý.

TSCĐ khác không tham gia vào hoạt động kinh doanh.

DN thực hiện việc quản lý, theo dõi các TSCĐ trên đây như đối với các TSCĐ dùng trong hoạt động kinh doanh và tính mức hao mòn của TSCĐ này (nếu có), mức hao mòn hàng năm được xác định bằng cách lấy NG chia (:) cho thời gian sử dụng của TSCĐ xác định theo quy định.

Nếu các TSCĐ này có tham gia vào hoạt động kinh doanh thì trong thời gian TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh, DN thực hiện tính và trích khấu hao vào chi phí kinh doanh của DN. Tiền khấu hao được phân bổ theo nguồn gốc TSCĐ.

* DN không được tính và trích khấu hao đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

Đối với những TSCĐ chưa khấu hao hết đã hỏng, DN phải xác định nguyên nhân, quy trách nhiệm đền bù, đòi bồi thường thiệt hại... và xử lý tổn thất theo các quy định hiện hành.

Đối với những TSCĐ đang chờ quyết định thanh lý tính từ thời điểm TSCĐ ngừng tham gia vào hoạt động kinh doanh, DN thôi trích khấu hao theo các quy định.

* Hội đồng giao nhận, hội đồng thanh lý, hội đồng nhượng bán... TSCĐ trong DN do DN quyết định thành lập gồm các thành viên bắt buộc là giám đốc DN, kế toán trưởng hoặc trưởng phòng tài chính kế toán của DN, một chuyên gia kỹ thuật am hiểu về loại TSCĐ (trong hay ngoài DN), đại diện bên giao TSCĐ (nếu có) và các thành viên khác do DN xác định. Trong những trường hợp đặc biệt

hoặc theo quy định của chế độ quản lý tài chính hiện hành, DN mời theo đại diện cơ quan quản lý trực tiếp quản lý và cơ quan quản lý kinh tế - kỹ thuật (nếu có) cùng tham gia các hội đồng này.

* Việc sử dụng số khấu hao TSCĐ của các DN và huy động tiền khấu hao TSCĐ của các đơn vị thành viên trong tổng công ty phải tuân theo các quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước, quy chế tài chính của tổng công ty.

c) Mối quan hệ giữa hao mòn và khấu hao TSCĐ:

Ta thấy nên coi khấu hao là một tính toán xác định mức độ hao mòn của TSCĐ và phân bổ nó vào chi phí SXKD thì việc này cũng có nghĩa là hao mòn TSCĐ bao nhiêu thì khấu hao TSCĐ bấy nhiêu. Nhưng TSCĐ bị cả hao mòn hữu hình và vô hình, do đó vấn đề xác định chính xác lượng hao mòn thực tế của TSCĐ đặt ra là vấn đề rất khó giải quyết.

Như vậy, hao mòn là một hiện tượng khách quan làm giảm giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ, còn khấu hao là một biện pháp chủ quan, vì nó phụ thuộc vào ý chí của chủ DN, cũng như người quản lý. Tuy nhiên, do chi phí khấu hao TSCĐ là một khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của chi phí SXKD cho nên chi phí khấu hao TSCĐ sẽ ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm hàng hoá dịch vụ, ảnh hưởng đến lợi tức của doanh nghiệp. Từ đó ảnh hưởng đến thuế phải nộp với nhà nước.

d) Chế độ tài chính:

Việc tính khấu hao có thể được tiến hành theo nhiều phương pháp khác nhau. Việc lựa chọn phương pháp tính khấu hao nào là tùy thuộc vào quy định của nhà nước về chế độ quản lý tài chính đối với DN và yêu cầu quản lý của DN. Phương pháp khấu hao được lựa chọn phải đảm bảo thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với khả năng trang trải chi phí của DN. Có nhiều phương pháp tính khấu hao TSCĐ được áp dụng rộng rãi, phổ biến trên thế giới, đặc biệt là ở các nước có nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên các DN Việt Nam hiện nay chủ yếu áp dụng một phương pháp khấu hao là phương pháp khấu hao bình quân (còn gọi là khấu hao đều hay khấu hao đường thẳng). Phương pháp này bắt buộc với các DN nhà nước theo quyết định 206/2003/BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Sau đây là nội dung phương pháp khấu hao bình quân và các phương pháp khấu hao phổ biến khác.

I. Phương pháp khấu hao đường thẳng:**1. Nội dung của phương pháp:**

TSCĐ trong DN được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

- Căn cứ các quy định trong Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC, DN xác định thời gian sử dụng của TSCĐ;

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho TSCĐ theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{NG của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

2. Trường hợp thời gian sử dụng hay NG của TSCĐ thay đổi, DN phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký trừ thời gian đã sử dụng) của TSCĐ.

3. Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng TSCĐ được xác định là hiệu số giữa NG TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

2 Xác định mức trích khấu hao đối với những TSCĐ đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2004:

a. Cách xác định mức trích khấu hao:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của TSCĐ để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ.

- Xác định thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{\text{-----}} \right)$$

$$T_1$$

Trong đó:

T : Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ

T_1 : Thời gian sử dụng của TSCĐ xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC.

T_2 : Thời gian sử dụng của TSCĐ xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC.

t_1 : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của TSCĐ

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

II. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

1. Nội dung của phương pháp:

Mức trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như:

- Xác định thời gian sử dụng của TSCĐ:

DN xác định thời gian sử dụng của TSCĐ theo quy định tại Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

- Xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao hàng} \\ \text{năm của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{X}} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ khấu hao} \\ \text{nhanh} \end{array}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của TSCĐ quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

III. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

1. Nội dung của phương pháp:

TSCĐ trong DN được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của TSCĐ, DN xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, DN xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức trích khấu hao} & & \text{Số lượng sản} & & \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của} & & \text{phẩm sản xuất} & \text{X} & \text{bình quân tính cho} \\ \text{TSCĐ} & = & \text{trong tháng} & & \text{một đơn vị sản} \\ & & & & \text{phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức trích khấu hao} & & \text{NG của TSCĐ} \\ \text{bình quân tính cho} & = & \text{-----} \\ \text{một đơn vị sản phẩm} & & \text{Sản lượng theo công suất thiết kế} \end{array}$$

- Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức trích khấu} & & \text{Số lượng sản} & & \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{hao năm của} & = & \text{phẩm sản xuất} & \text{X} & \text{bình quân tính cho} \\ \text{TSCĐ} & & \text{trong năm} & & \text{một đơn vị sản} \\ & & & & \text{phẩm} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc NG của TSCĐ thay đổi, DN phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.1.6.3 Giá trị còn lại của TSCĐ:

Giá trị hao mòn phản ánh nguồn vốn đầu tư coi như thu hồi được ở TSCĐ ở một thời điểm nhất định.

Giá trị hao mòn TSCĐ là khoản chi phí được trích định kỳ (hàng tháng, hàng quý) vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để hình thành một nguồn vốn nhằm tái đầu tư lại TSCĐ do quá trình sử dụng nó bị hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình.

Khi xác định được NG và giá trị hao mòn của TSCĐ, kế toán sẽ xác định được giá trị còn lại của TSCĐ.

Giá trị còn lại của TSCĐ là số vốn đầu tư hiện còn trong tài sản ở một thời điểm nhất định. Giá trị còn lại phản ánh trên sổ kế toán được xác định bằng hiệu số giữa NG TSCĐ và số khấu hao lũy kế TSCĐ tính tới thời điểm xác định, nó là căn cứ để lập kế hoạch tăng cường đổi mới tài sản.

$$\text{Giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ} = \text{NG TSCĐ} - \text{Số khấu hao lũy kế của TSCĐ}$$

Cần phân biệt giữa giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách và giá trị còn lại thực của TSCĐ. Giá trị còn lại thực tế của TSCĐ là giá trị thị trường của tài sản vào thời điểm đánh giá. Và được xác định theo công thức sau:

$$NG_1 = NG_0 * H_1 * H_0$$

Với NG_1 - NG đánh giá lại.

NG_0 - NG ban đầu.

H_1 - Hệ số trượt giá.

H_0 - Hệ số hao mòn vô hình.

Hệ số trượt giá bình quân sẽ do cơ quan tài chính của Bộ chủ quản xác định cuối mỗi năm, từ đó có thể xác định được giá trị còn lại của TSCĐ.

$$G_{CL} = NG_1 * \left(1 - \frac{M_{KH}}{NG_0}\right)$$

Với: G_{CL} - Giá trị còn lại của TSCĐ tương ứng với NG đánh giá lại.

M_{KH} - Tổng mức khấu hao TSCĐ cho tới thời điểm đánh giá lại.

Như vậy bên cạnh việc theo dõi giá trị còn lại trên sổ sách, quản lý còn cần phải theo dõi giá trị còn lại thực của TSCĐ để có thể đưa ra các quyết định thanh lý, nâng cấp hoặc đầu tư mới TSCĐ.

Tuy nhiên giá trị còn lại của TSCĐ cũng có nhược điểm ở chỗ không phản ánh được phân vốn góp mà ta đã thu hồi được.

Qua phân tích ở trên, ta thấy mỗi loại “giá trị” có tác dụng phản ánh nhất định nhưng kèm theo còn có những mặt hạn chế. Vì vậy, kế toán TSCĐ phải theo dõi cả ba loại: Giá trị hao mòn, giá trị còn lại và định kỳ đánh giá lại TSCĐ không chỉ cần thiết mà còn là bắt buộc phục vụ cho yêu cầu quản lý TSCĐ: để tính trích khấu hao chính xác, bảo đảm hoàn lại đầy đủ vốn đầu tư và phân tích được hiệu quả sử dụng vốn cố định trong DN. Có thể nói việc đánh giá lại TSCĐ là bước khởi đầu quan trọng công tác kế toán TSCĐ ở DN.

1.2.2. Kế toán chi tiết TSCĐ:

1.2.2.1. Tổ chức vận dụng mẫu biểu, sổ kế toán chi tiết TSCĐ :

- * Biên bản giao nhận TSCĐ - (mẫu số 01 - TSCĐ) : ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

- * Thẻ TSCĐ - (Mẫu số 23 - DN) : ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

- * Biên bản thanh lý TSCĐ - (Mẫu số 02 - TSCĐ) : ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

- * Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 03- TSCĐ): ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

- * Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu số 04 - TSCĐ): ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC.

- * Sổ kế toán chi tiết TSCĐ, Khấu hao TSCĐ.

1.2.2.2 Vận dụng tài khoản kế toán:

Kế toán sử dụng các tài khoản cấp 2, cấp 3 của các TSCĐ cấp 1 trong nhóm TSCĐ, cụ thể như sau:

+TK 211 Có 6 tài khoản cấp II.

- TK 2112: Nhà cửa, vật kiến trúc.
- TK 2113: Máy móc, thiết bị.
- TK 2114: Phương tiện vận tải, truyền dẫn.
- TK 2115: Thiết bị dụng cụ quản lý.
- TK 2116: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.
- TK 2118: TSCĐHH khác.

+TK 213 Có 6 TK cấp II

- TK 2131: Quyền sử dụng đất.
- TK 2132: Chi phí thành lập DN.
- TK 2133: Bằng phát minh sáng chế.
- TK 2134: Chi phí nghiên cứu phát triển.
- TK 2135: Chi phí lợi thế thương mại.
- TK 2138: TSCĐ VH khác.

+TK 214 Có 3 TK cấp III

- TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình.
- TK 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính.
- TK 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình.

1.2. 3 Tổ chức kế toán tổng hợp TSCĐ:**1.2.3.1. Kế toán biến động TSCĐ**

Tổ chức kế toán TSCĐ là quá trình hình thành, lựa chọn và cung cấp thông tin về sự tăng, giảm, sử dụng TSCĐ của DN trên cơ sở thiết kế một hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách và trình tự phản ánh, giám sát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mục đích của công tác kế toán TSCĐ là nhằm đảm bảo tính khoa học và hiệu

quả của việc kế toán, nhờ đó theo dõi quản lý chặt chẽ TSCĐ trên cơ sở các thông tin về TSCĐ được cung cấp chính xác, kịp thời, đầy đủ.

- Kế toán tăng TSCĐ:

Khi tiến hành phản ánh biến động tăng TSCĐ, kế toán sử dụng :

-Vận dụng TK:

- + *Tài khoản 211 “TSCĐH”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và biến động tăng giảm của toàn bộ TSCĐH của DN theo NG.

Bên nợ: Phản ánh NG TSCĐH tăng do được cấp, mua sắm, xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao, do các đơn vị tham gia liên doanh góp vốn ...

- Điều chỉnh tăng NG của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm, nâng cấp...
- Điều chỉnh tăng NG do đánh giá lại.
- Dư nợ: NG TSCĐH hiện có ở đơn vị:

- + *Tài khoản 212 “TSCĐ thuê tài chính”*

Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của đơn vị.

Bên nợ: Phản ánh NG của TSCĐ đi thuê tài chính tăng trong kỳ.

Dư nợ: NG TSCĐ đi thuê tài chính hiện có.

- + *Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”*

TK này dùng để phản ánh NG của TSCĐ hiện có và tình hình tăng giảm của DN.

Bên nợ: Phản ánh NG TSCĐ HH tăng trong kỳ.

Dư nợ: Phản ánh NG TSCĐ HH hiện có ở DN.

- + *Tài khoản 411: Nguồn vốn kinh doanh*

Dùng để phản ánh số vốn hiện có và tình hình tăng giảm vốn hoạt động của DN bao gồm cả vốn cố định và vốn lưu động.

Bên có: Nguồn vốn kinh doanh do ngân sách nhà nước cấp, do các bên tham gia liên doanh, do cổ đông góp, do bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh, do nhận quà tặng, do miễn viện trợ...

Dư có: Phản ánh nguồn vốn kinh doanh hiện có của DN.

+ *Tài khoản 241: Xây dựng cơ bản dở dang*

Tài khoản này phản ánh chi phí đầu tư XD CB, tình hình quyết toán công trình, quyết toán vốn đầu tư ở các DN có tiến hành công tác đầu tư XD CB, tình hình chi phí và quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ của DN.

Bên nợ: Phản ánh chi phí xây dựng cơ bản thực tế phát sinh (kể cả thiệt hại) chi phí nâng cấp đầu tư cải tạo TSCĐ.

Bên có: Phản ánh các khoản thu hồi ghi giảm chi phí. Các khoản xin duyệt bỏ được duyệt y. Đầu tư mua sắm, XD CB hoàn thành bàn giao.

Tài khoản này có các tài khoản cấp II sau:

TK 2411: Mua sắm TSCĐ.

TK 2412: Xây dựng cơ bản.

TK 2413: Sửa chữa lớn TSCĐ.

- Vận dụng sổ kế toán:

Sổ NKC

Sổ cái TK 211

Sổ TSCĐ

Sổ cái TK 211, 212

- Kế toán giảm TSCĐ:

- Vận dụng TK:

+ *Tài khoản 211 “TSCĐHH”*

Bên có: Phản ánh NG của TSCĐ do giảm điều chuyển cho đơn vị khác, nhượng bán, thanh lý hoặc đem góp liên doanh...

- NG giảm do tháo dỡ bớt một số bộ phận hoặc do đánh giá lại.

+ *Tài khoản 212 “TSCĐ thuê tài chính”*

Bên có: Phản ánh NG TSCĐ thuê tài chính giảm trong kỳ (trả cho bên thuê hoặc mua lại).

+ *Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”*

Bên có: Phản ánh NG TSCĐ HH giảm trong kỳ.

+ *Tài khoản 411: Nguồn vốn kinh doanh*

Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ làm giảm vốn kinh doanh do trả lại vốn cho ngân sách nhà nước, trả vốn cho các bên liên doanh, cho thành viên góp vốn.

+ *Tài khoản 811: Chi phí khác*

Bên nợ: phản ánh các nghiệp vụ làm tăng chi phí do thanh lý TSCĐ

- Vận dụng sổ kế toán:

Sổ NKC

Sổ cái TK 211

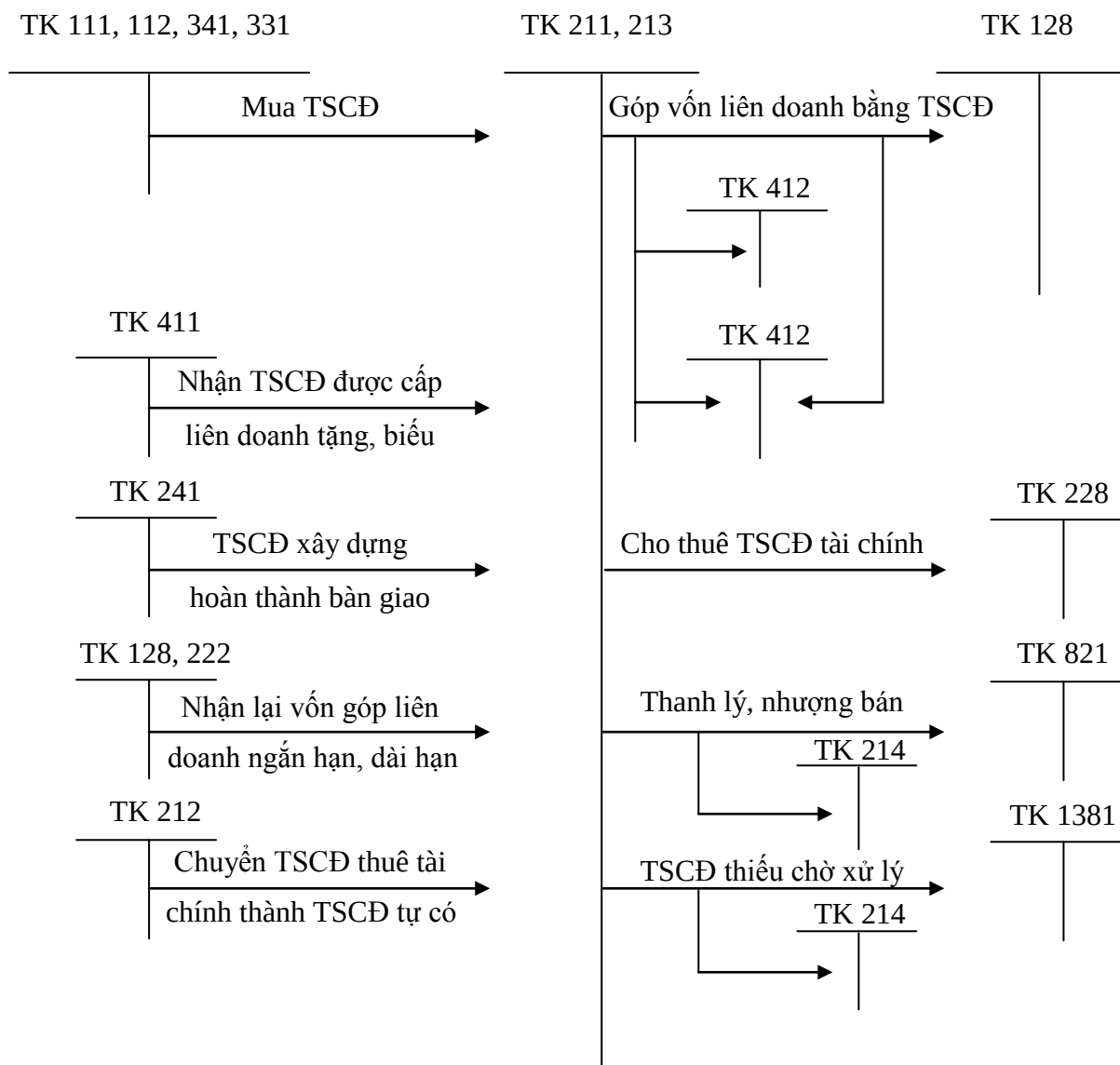
Sổ TSCĐ

Sổ cái TK 211, 213

- Trường hợp DN kế toán theo phương pháp VAT trực tiếp:

Sơ đồ 1

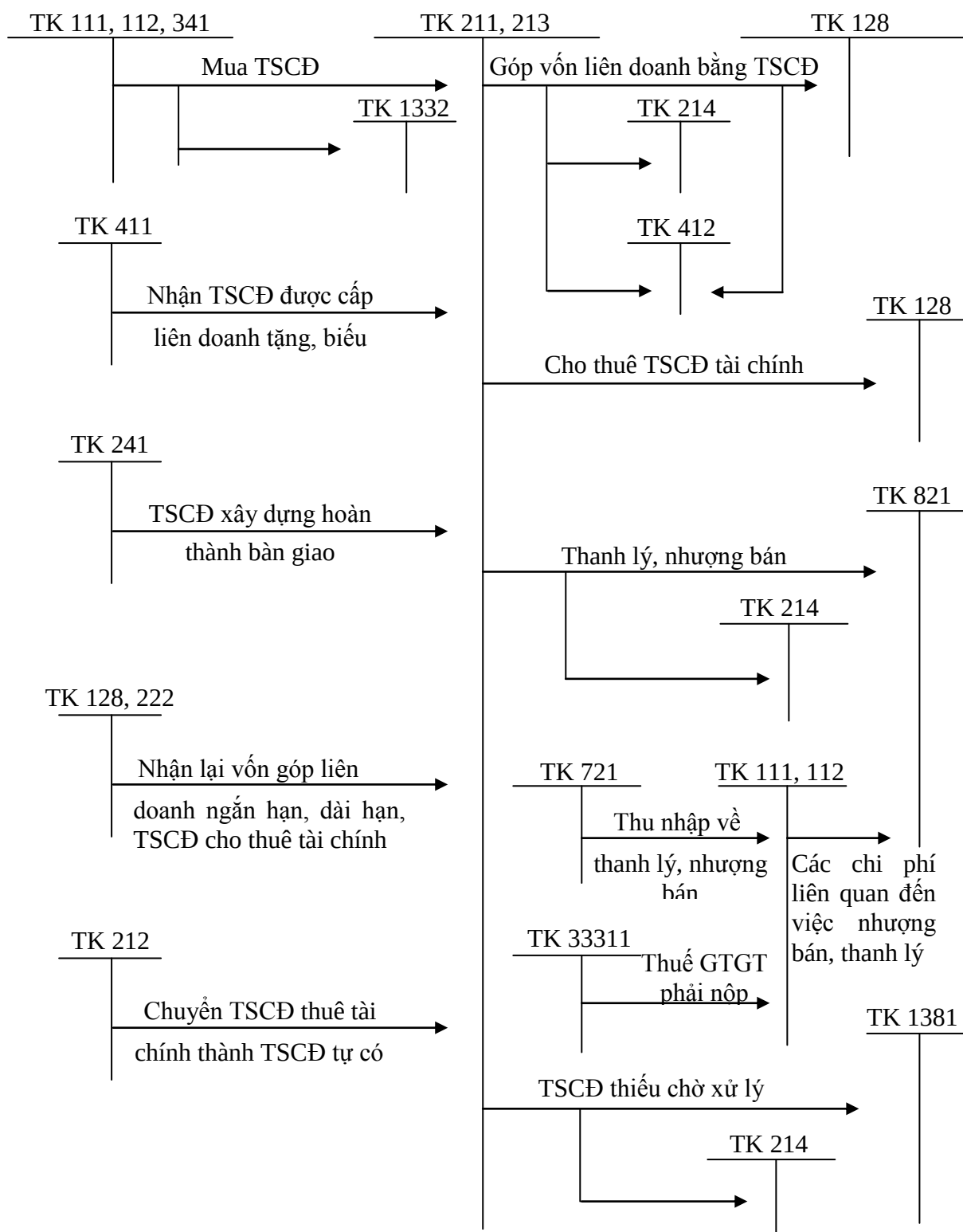
Sơ đồ hạch toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Trường hợp DN kế toán theo phương pháp VAT khấu trừ:

Sơ đồ 2

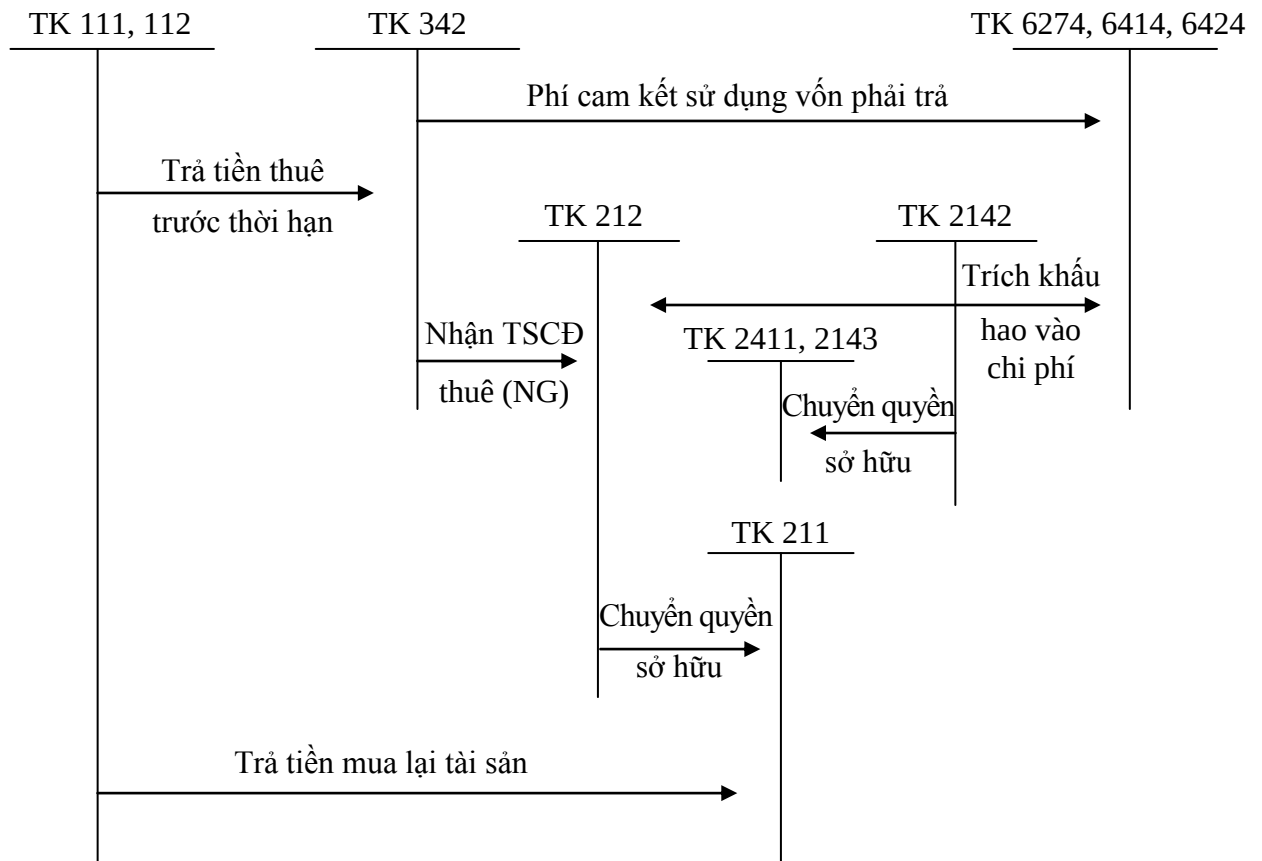
Sơ đồ hạch toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ vô hình, hữu hình đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



- Hạch toán TSCĐ đi thuê và cho thuê:

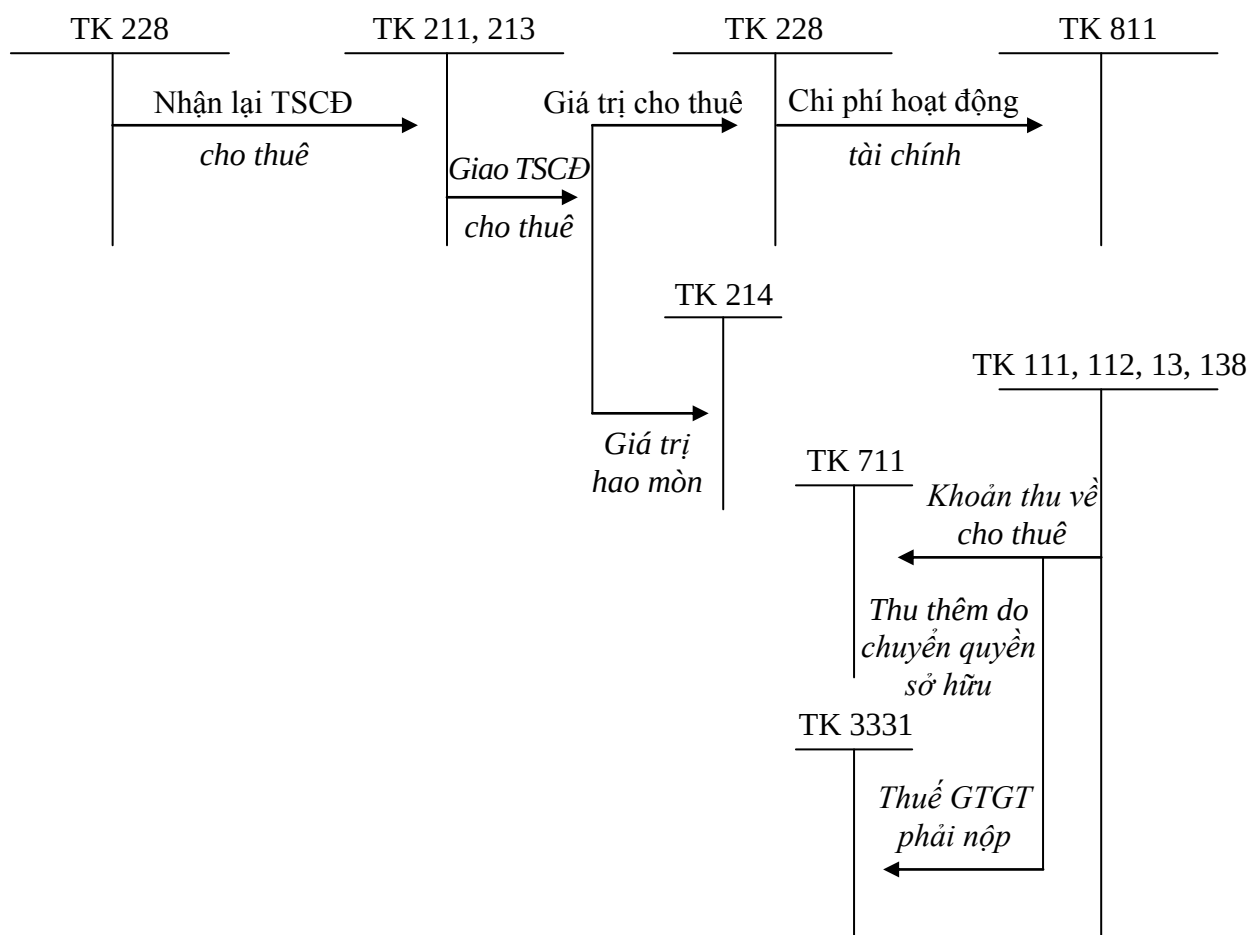
Sơ đồ 3

Sơ đồ hạch toán TSCĐ tại đơn vị đi thuê



Sơ đồ 4

Sơ đồ hạch toán TSCĐ tại đơn vị cho thuê

**1.2.3.2 Tổ chức kế toán khấu hao:**

-Vận dụng TK:

+ Tài khoản 214: Hao mòn TSCĐ

Dùng để phản ánh giá trị hao mòn của các TSCĐ của DN như: TSCĐ HH, TSCĐ VH, TSCĐ thuê tài chính.

Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm giá trị hao mòn TSCĐ.

Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm tăng giá trị hao mòn TSCĐ.

Dư có: Giá trị hao mòn của TSCĐ hiện có.

-Vận dụng sổ kế toán:

Sổ NKC

Sổ cái TK 214

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Bảng tổng hợp khấu hao

- Tổ chức hạch toán hao mòn được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định phương pháp khấu hao của DN, đăng ký với nhà nước và bộ tài chính tỷ lệ khấu hao.

Bước 2: Lập bảng khấu hao cho từng loại TSCĐ tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của DN.

BẢNG TÍNH KHẤU HAO

Loại tài sản:

Tỷ lệ khấu hao:%

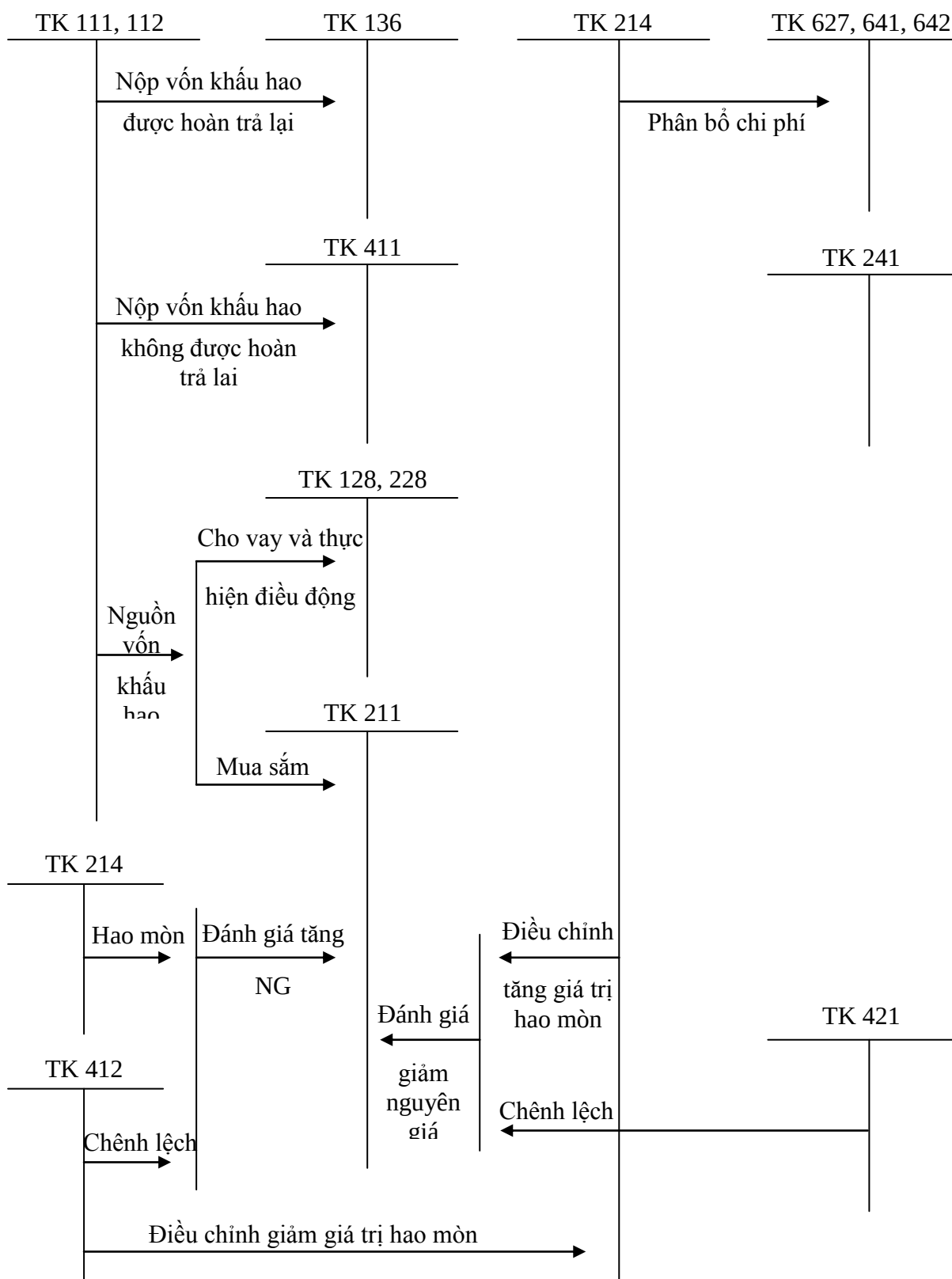
Năm thứ	Giá trị ban đầu (NG)	Mức khấu hao năm	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại

Bước 3: Lập bảng tính và phân bổ khấu hao và các chi phí tương ứng.

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO

Tháng (quý) Năm

Đối tượng sử dụng Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH	Toàn DN	Bộ phận SXKD	Bộ phận bán hàng	Bộ phận QLDN	Bộ phận
I. KH kỳ trước (n - 1)						
II. KH tăng kỳ này						
...						
III. KH giảm kỳ này						
...						
IV. KH kỳ này						

Sơ đồ 5**Sơ đồ hạch toán khấu hao TSCĐ****1.2.4 Vận dụng hình thức kế toán:**

Mỗi đơn vị kế toán chỉ vận dụng một hệ thống sổ sách kế toán theo chế độ quy định. Sổ kế toán được mở khi bắt đầu niên độ kế toán và khóa sổ kế toán khi kết thúc niên độ. Sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh dựa vào đó để cung cấp các thông tin tổng hợp và thường chỉ sử dụng thước đo giá trị. Tuy nhiên việc sử dụng loại sổ nào, số lượng và kết cấu quan hệ ghi chép giữa các sổ ra sao còn tùy thuộc vào hình thức tổ chức sổ mà đơn vị áp dụng. Theo mỗi hình thức tổ chức, kế toán tổng hợp TSCĐ sử dụng hệ thống sổ cho phù hợp, DN được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

1. Hình thức kế toán NKC
2. Hình thức Kế toán Nhật ký - Sổ Cái.
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.
5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tại công ty em thực tập sử dụng phần mềm Kế toán máy, theo hình thức NKC. Do đó, trong khóa luận này chỉ đề cập tới 2 hình thức này. Nội dung như sau:

*** Hình thức kế toán Nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết..

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ số 01

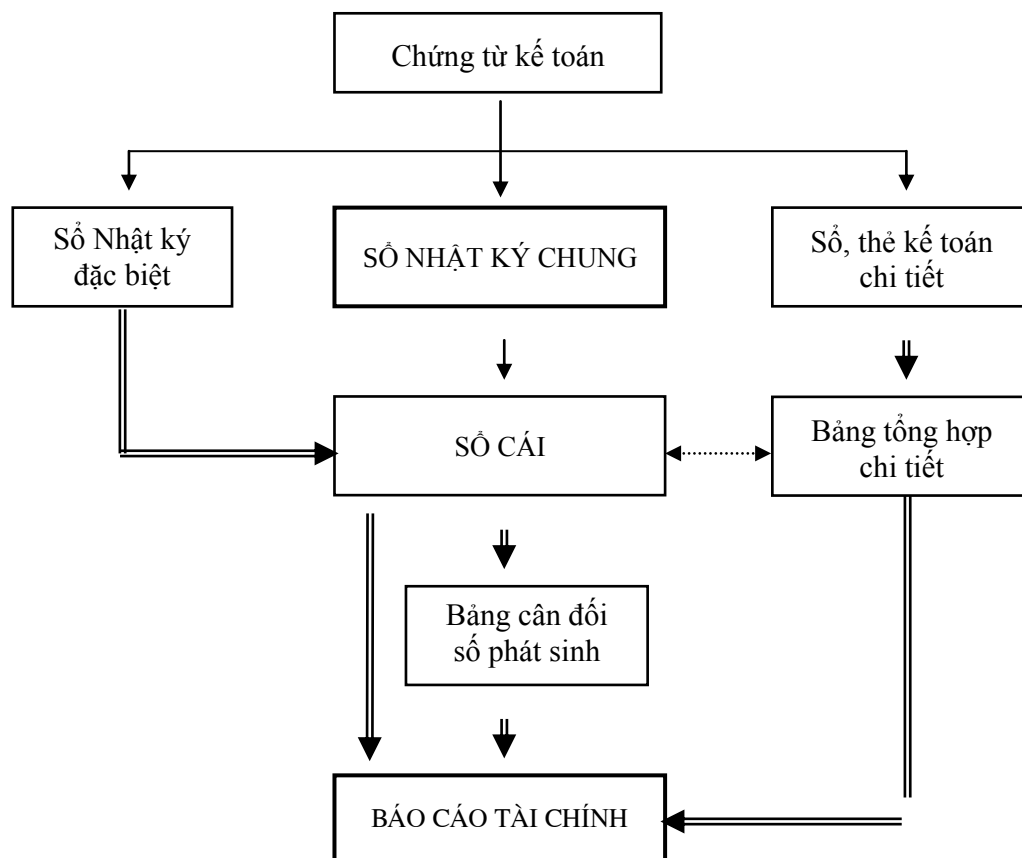
(a) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký

chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(b) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ số 01
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

*** Hình thức kế toán máy**

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- *Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Sơ đồ số 02)*

(a) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

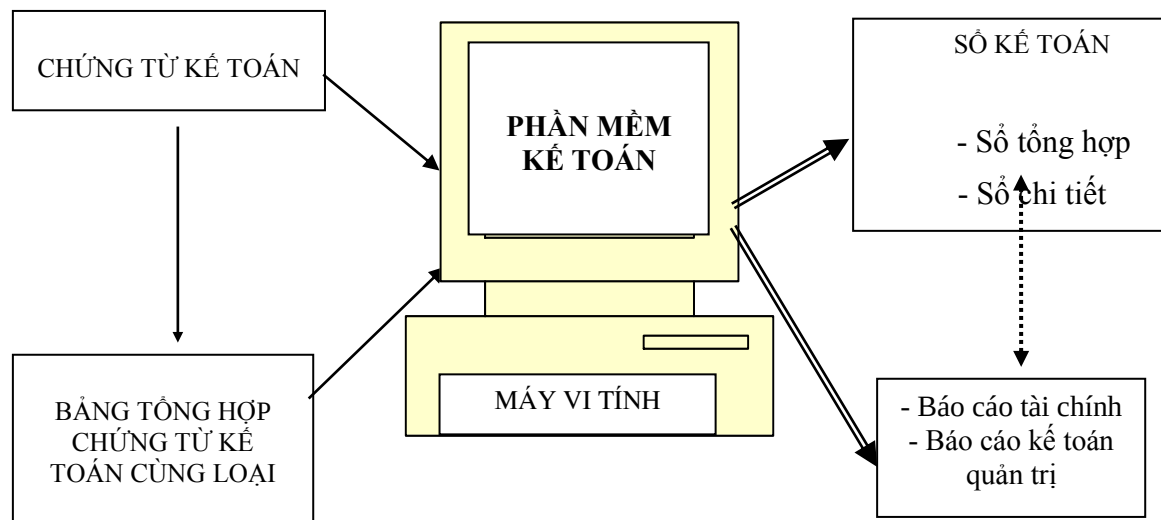
(b) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ số 02

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**

**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

PHẦN THỨ II**THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TÙNG PHÁT****2.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH Tùng Phát:****2.1.1.. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty.**

Tên công ty viết bằng tiếng n-ớc ngoài: TUNG PHAT TRADING AND TRANSPORT COMPANY LIMITED, viết tắt: TUNG PHAT TT CO.,LMT

Mã số thuế: 0200733967

Số điện thoại: 0313555290

Địa chỉ: Số 168, Bùi Thị Từ Nhiên, khu Th- ợng Đoạn, ph- ờng Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Giám đốc: **Đỗ Tuấn Hải**

Khi bắt đầu b- ớc vào hoạt động, công ty gồm có 3 đầu kéo và 3 móoc, bao gồm:

- Đầu kéo: 16H-7991, 16L-4395, 16h- 8798

- Mooc: 16H-1846, 16H5 - 2493, 16H-1808

Cùng với số l- ợng công nhân viên là 12 ng- ời.

Sau đó, công ty liên tục phát triển, cùng với đó là quy mô DN mở rộng hơn.

Cho đến nay, công ty đã sở hữu 8 đầu kéo và 8 mooc, cùng sự mở rộng về cơ sở vật chất, và số l- ợng nhân viên lên tới 25 ng- ời.

Quy mô doanh nghiệp: nhỏ.

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của Công ty:

Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ vận tải liên quan tới vận chuyển container đ- ờng bộ.

Một số bạn hàng chính của Công ty gồm:

Công ty TNHH Đại Hoàng Phát.

Công ty TNHH Linh Phát.

Công ty CP vận tải biển Sao Biển.

Công ty TNHH Tề Gia....

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của Công ty

2.1.3.1 Những thuận lợi:

** Chủ quan:*

Nhờ có truyền thống kinh doanh vận tải trong gia đình, công ty TNHH Tùng Phát đã ra đời, phát triển với một nền tảng kinh nghiệm khá vững vàng.

Cùng với sự sát sao của lãnh đạo công ty, sự phát triển của Tùng Phát luôn đi đúng hướng.

Lãnh đạo công ty luôn luôn lấy uy tín làm trọng nên đã tạo được sự tin tưởng của bạn hàng. Giờ đây, công ty đã hình thành được mối quan hệ kinh doanh bền vững. Đây là một lợi thế rất quan trọng của Tùng Phát, rất riêng có.

Cùng với các lái xe lâu năm trong nghề, công ty đã có được một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, luôn hết lòng vì công việc. Đó cũng là do chế độ ưu đãi và sự đối xử thân thiện của lãnh đạo công ty với toàn thể nhân viên, đã gắn kết họ ngày càng keo sơn hơn ngay cả những lúc khó khăn nhất.

** Khách quan:*

Ngành vận tải Việt Nam hiện nay vẫn đang đề ngổ rất nhiều, do thiếu cơ sở hạ tầng. Đồng thời, các DN nước ngoài chưa tham gia nhiều trong vận tải đường bộ, sự cạnh tranh có phần nào chưa thực sự khốc liệt.

Chính sách phát triển của Việt Nam ưu tiên, khuyến khích các DN quy mô nhỏ, do đó, Tùng Phát cũng có sự hỗ trợ lớn của nhà nước trong kinh doanh, đặc biệt là vốn.

2.1.3.2 Những khó khăn:

** Chủ quan:*

Tùng Phát hiện nay vẫn chỉ là một DN nhỏ, mới thành lập, số vốn chủ sở hữu còn thấp, phải đối mặt với những DN lớn, lâu đời như Vosco, Vinalines, Vinatrans.... Đây thực sự là cuộc chiến không cân sức với Tùng Phát.

Mặc dù công ty luôn có sự ưu ái với đội ngũ nhân viên, nhưng không thể tránh được sự mất mát những nhân viên lành nghề bởi những yếu tố khách quan gây ra những tổn thất lớn cho công ty.

** Khách quan:*

Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao tay lái, và đưa những lái xe phụ có kinh nghiệm lên thành tay lái chính. Đồng thời công ty tuyên

truyền, nâng cao ý thức an toàn của lái xe. Tuy nhiên, những yếu tố rủi ro khách quan như cơ sở hạ tầng của Việt Nam, thời tiết,..... cũng đã khiến Tùng Phát phải đối mặt với những vụ tai nạn xe cộ.

Tình hình kinh tế thế giới đang đứng trước sự suy giảm nặng nề, lượng hàng hóa tiêu thụ ngày càng giảm sút. Do đó, nhu cầu về vận chuyển cũng suy giảm dần. Trong khi đó, lượng cung dịch vụ vận tải ngày càng giá tăng. Đó là một thách thức rất lớn đối với Tùng Phát trong giai đoạn này. Từ đó, đòi hỏi công ty cần phải phát triển cho mình theo hướng riêng, tạo nét đặc trưng của mình thì mới có thể tồn tại được.

2.1.4 Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian gần đây:

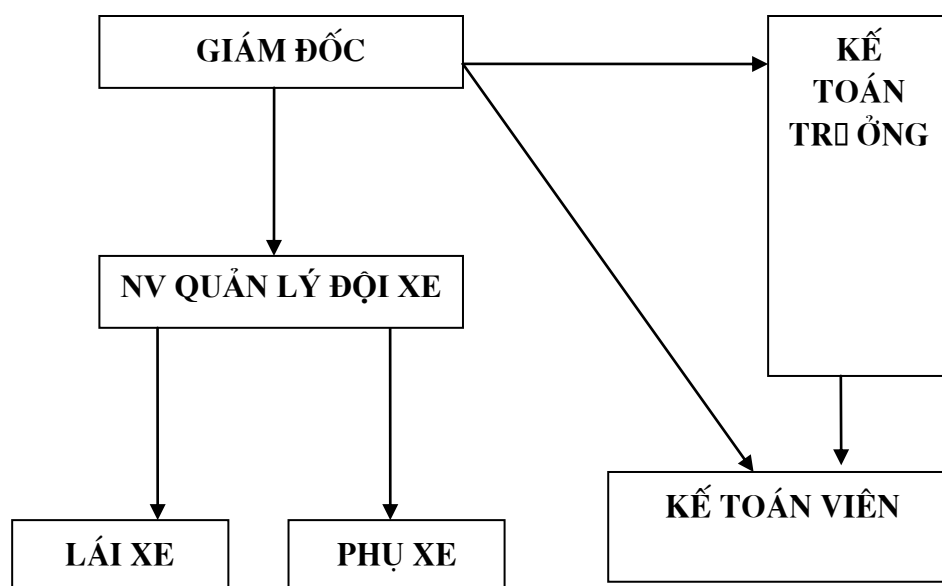
Trong những năm gần đây Công ty Tùng Phát đã đạt được những thành tựu nhất định thể hiện qua việc tăng trưởng doanh thu luôn đạt được ở mức cao và vượt kế hoạch của Công ty đề ra, cụ thể năm 2007 đạt 1.879.462.580 đồng, năm 2008 đạt 10.341.674.052 đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2007 là 37.674.101 đồng, thì năm 2008 là 74.181.565 đồng., tăng 96,9% so với cùng kỳ năm 2007.

Công ty đã tiến hành kê khai và nộp thuế đầy đủ, hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà nước.

Hàng năm, công ty đều tiến hành đề ra các mục tiêu kinh doanh cụ thể, để từ đó có thể động lực phát triển công ty ngày càng mở rộng quy mô kinh doanh.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:



*/ Giám đốc : có nhiệm vụ quản lý chung toàn bộ các hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời, GD đưa ra các quyết định cao nhất trong công ty.

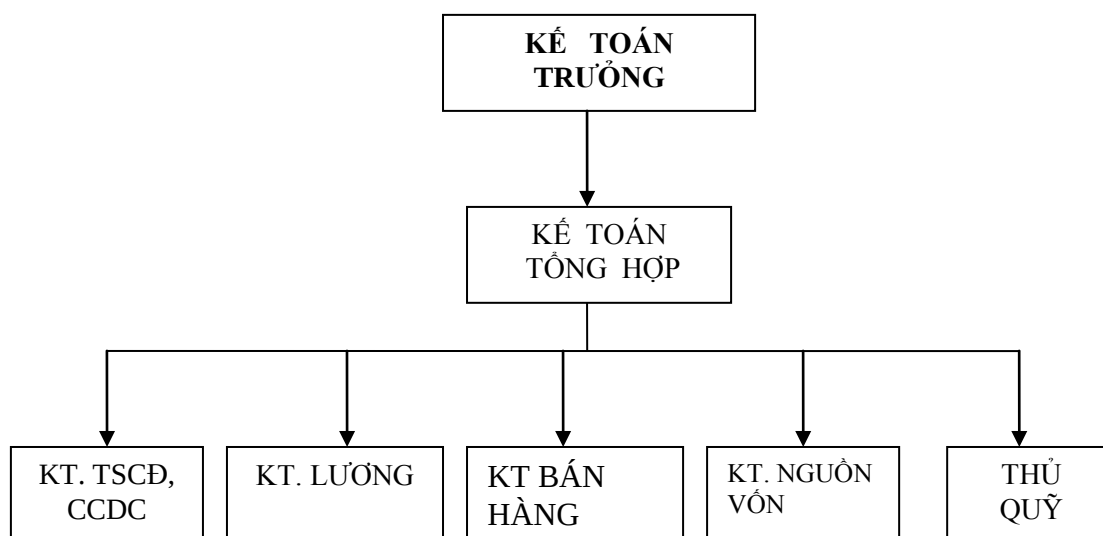
*/ Kế toán trưởng : : Phụ trách chung, có nhiệm vụ chỉ đạo, nghiệp vụ, hướng dẫn toàn bộ công tác kế toán, thống kê phân tích thông tin kinh tế trong công ty. Tập hợp số liệu trong kỳ để lập báo cáo tài chính. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các chế độ, thể lệ về quản lý kế toán tài chính và chế độ kế toán.

*/ Kế toán viên : Hàng ngày tập hợp chứng từ kế toán, ghi chép vào sổ sách các khoản mục theo dõi riêng, đồng thời vào máy các nghiệp vụ phát sinh trong ngày.

*/ NV quản lý đội xe: Hàng ngày, GD trực tiếp chỉ thị cho nhân viên này về lịch di chuyển và điều động xe. Nhân viên sẽ nhận các lệnh di chuyển và thông báo cho các lái xe. Đồng thời, nhân viên này giám sát việc vận chuyển, và các vấn đề khác có liên quan. Cuối ngày, báo cáo lại cho giám đốc về công việc trong ngày, và giao các chứng từ nhận từ các lái xe cho kế toán

*/ Lái xe và phụ xe : hàng ngày, theo lệnh điều chuyển, các lái xe và phụ xe di chuyển.

2.1.5 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty:



*/ Kế toán trưởng : tham khảo tổ chức bộ máy quản lý của công ty

*/ Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, báo cáo kế toán trưởng để tính giá thành, theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao TSCĐ, Đơn đốc kiểm tra công việc kế toán .

*/ Kế toán nguồn vốn: Theo dõi các chứng từ thu, chi tiền gửi ngân hàng, mở sổ chi tiết tình hình thanh toán. Ngoài ra còn có nhiệm vụ theo dõi phản ánh vào chứng từ, sổ sách tiền gửi, tiền vay ngân hàng. Đồng thời, theo dõi tình hình sử dụng, quản lý nguồn vốn của công ty. Bất kỳ sự thay đổi nào liên quan tới nguồn vốn đều được ghi chép đầy đủ và rõ ràng dựa trên các chứng từ và văn bản phát sinh thực tế.

*/ Kế toán TSCĐ & CCDC : Ghi chép tổng hợp chính xác số lượng, giá trị TSCĐ, CCDC hiện có, tình hình tăng, giảm và hiện trạng TSCĐ, CCDC trong toàn Công ty. Đồng thời tính toán và phân bổ mức khấu hao TSCĐ, CCDC vào chi phí sản xuất, theo dõi lập kế hoạch sửa chữa TSCĐ, CCDC.

*/ Kế toán bán hàng : Dựa trên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc bán hàng và cung cấp dịch vụ vận tải, tập hợp chứng từ, mở sổ chi tiết theo dõi việc bán hàng và cung cấp dịch vụ vận tải.

*/ Kế toán tiền lương : Hàng ngày kế toán có nhiệm vụ chấm công, tính ca làm việc cho từng nhân viên, sau đó tiến hành lập bảng chấm công, tính lương, tính các khoản trích theo quy định của nhà nước. Cuối tháng, lập bảng thanh toán lương và các khoản khác phải trả, phải thu của toàn bộ nhân viên và cán bộ của công ty. Đồng thời, theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới công nhân viên.

* / Thủ quỹ : thực hiện các nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ hợp lệ , hợp pháp.

* Hiện nay, bởi công ty TNHH Tùng Phát là DN quy mô nhỏ, với tổng số vốn điều lệ là 1.200.000.000 đồng, nên kế toán của công ty đang áp dụng theo chế độ kế toán DN vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ ban hành ngày 14/9/2006 .

* Mô hình tổ chức : Tập trung

* Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến ngày 31/12/ năm tài chính

* Ph- ơng pháp tính thuế : áp dụng ph- ơng pháp khấu trừ.

* Báo cáo tài chính:

- | | |
|--|-------------------|
| - Bảng Cân đối kế toán: | Mẫu số B 01 - DNN |
| - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 - DNN |
| - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 - DNN |
| - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: | Mẫu số B 09 - DNN |
| - Bảng Cân đối tài khoản: | Mẫu số F 01 – DNN |
- * Hệ thống TK công ty sử dụng:

Kế toán tại công ty TNHH Tùng Phát tiến hành hạch toán dựa trên danh mục hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo chế độ kế toán doanh vừa và nhỏ theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ra ngày 14/09/06. Hệ thống bao gồm 51 tài khoản cấp 1 trong bảng (đã giảm 33 tài khoản so với 84 tài khoản cấp 1 theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ban hành ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ tài chính) và 5 tài khoản ngoài bảng (giảm 1 TK so với QĐ15).

* Hệ thống sổ sách kế toán : Hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán “ NKC”.

- Hiện nay, công ty Tùng Phát đang sử dụng chương trình kế toán UNESCO.

Bản quyền chương trình thuộc về Trung tâm UNESCO.

Địa chỉ của Trung tâm : Lô 7 - B20 - Nam Thành Công

Số điện thoại : 047.763.162

Số Fax : 04.776.316

-Đặc điểm:

Phần mềm kế toán này có giao diện thân thiện với người sử dụng, dễ tìm hiểu.

Các sổ và các bảng đều áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành.

Tự động trong tất cả các bút toán, người nhập lệnh chỉ cần nhập số liệu dựa trên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế, không cần phải tính toán và lập sổ chi tiết theo dõi.

*** Đặc điểm kế toán TSCĐ tại công ty:**

Hiện nay, công ty Tùng Phát là công ty quy mô nhỏ với số vốn điều lệ là trên 1.200.000.000 đồng, do đó, theo quy định của nhà nước, kế toán áp dụng chế độ kế toán theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC .

Công ty tiến hành quản lý giá trị và hiệu quả sử dụng TSCĐ dựa trên kế toán kế toán TSCĐ.

Để xác định giá trị ghi sổ TSCĐ, công ty tiến hành đánh giá TSCĐ ngay khi đưa TSCĐ vào sử dụng. Việc tính giá TSCĐ tại công ty được thực hiện theo công thức:

$$NG\ TSCĐ = \text{Giá mua} + \text{Các chi phí khác có liên quan.}$$

Trên cơ sở NG và giá trị hao mòn, kế toán công ty xác định giá trị còn lại theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại} = NG - \text{Giá trị hao mòn.}$$

Như vậy, toàn bộ TSCĐ của công ty được theo dõi chặt chẽ trên 3 loại giá là: NG, giá trị hao mòn, giá trị còn lại. Nhờ đó phản ánh được tổng số vốn đầu tư do mua sắm, xây dựng TSCĐ và trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho kinh doanh, sản xuất.

Các trường hợp thay đổi NG TSCĐ ở trên sổ kế toán chỉ xảy ra khi xây lắp, trang bị thêm cho TSCĐ hoặc do đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Kế toán TSCĐ:

Là một công ty kế toán độc lập, việc không ngừng nâng cao doanh thu và giảm chi phí đang trở thành vấn đề quyết định sự tồn tại của công ty. Đầu tư mua sắm trang thiết bị máy móc đúng thời điểm cùng với việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ là một nhân tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, làm tăng doanh thu của công ty.

Xuất phát từ yêu cầu quản lý ngày càng cao, công tác tổ chức kế toán kế toán tại CN công ty phải liên tục phát triển nhằm thoả mãn tới mức cao nhất cho mục tiêu kinh doanh. Để đạt được điều đó, công ty phải thực hiện tốt công tác kế toán như sau:

+ Thực hiện ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình biến động của TSCĐ.

+ Thông qua việc theo dõi, phản ánh, xử lý các thông tin, kế toán sẽ giúp cho ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định chính xác trong việc đầu tư sửa chữa TSCĐ.

TSCĐ của công ty bao gồm nhiều loại khác nhau. Vì vậy vấn đề quản lý TSCĐ luôn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo toàn nguồn vốn cũng như việc nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Việc quản lý TSCĐ phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- + Phải quản lý TSCĐ như một yếu tố tư liệu sản xuất cơ bản.
- + Phải quản lý TSCĐ như một bộ phận vốn sản xuất kinh doanh cơ bản về mặt giá trị nguyên tắc chu chuyển vốn bảo toàn vốn sau mỗi lần chu chuyển.
- + Phải thể hiện và quản lý TSCĐ nhằm cung cấp thông tin về sự hiện có, tăng giảm sử dụng TSCĐ của DN trên cơ sở thiết lập một hệ thống chứng từ, sổ sách và trình tự phản ánh, giám sát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

TSCĐ là những tư liệu để phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh của DN. Đó là những tài sản có trị giá từ 10.000.000 đồng trở lên và có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.

Tính đến ngày 31/12/2008, Tổng NG TSCĐ của công ty là 4.166.195.292 đồng.

Hao mòn lũy kế : 663.003.690 đồng

Giá trị còn lại: 3.503.191.602 đồng.

Công ty TNHH Tùng Phát hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa, TS chính của công ty là đầu kéo và moóc, nên công ty có một lượng TSCĐ lớn.

Hầu hết TSCĐ của công ty đều có thời gian khấu hao khá dài là 10 năm trở lên.

TSCĐ của công ty bao gồm tài sản do công ty đi mua sắm mới, mua lại tài sản đã sử dụng của doanh nghiệp khác, và nhận góp vốn.

*** Khái quát về Khấu hao TSCĐ tại công ty :**

Luôn hướng tới việc tối đa hóa lợi nhuận, công ty Tùng Phát quản lý việc trích khấu hao TSCĐ rất cụ thể, chi tiết, rõ ràng. Và nó đã thực sự có hiệu quả trong việc tính chi phí để hình thành nên giá thành sản phẩm của công ty.

Hiện nay, công ty đang tiến hành trích TSCĐ theo phương pháp khấu hao đều (hay phương pháp khấu hao đường thẳng) nhằm cân đối chi phí hàng tháng.

TSCĐ của công ty thời hạn sử dụng từ 5 năm trở nên .

Việc trích khấu hao được tiến hành đều đặn hàng tháng, chi tiết và cụ thể theo từng loại TSCĐ, từng tài sản chi tiết.

Việc quản lý và trích khấu hao của công ty áp dụng theo QĐ số 206/2003/BTC ban hành ngày 12/12/2003.

2.2 Thực tế kế toán TSCĐ tại công ty TNHH TM và DV vận tải Tùng Phát:

2.2.1. Kế toán chi tiết TSCĐ:

2.2.1.1 Kế toán tăng TSCĐ :

Trong năm 2008, công ty có mua mới xe ô tô 7 chỗ như sau:

Ông Đỗ Tuấn Hải tiến hành mua một xe Toyota 7 chỗ đáp ứng nhu cầu quản lý và cung cấp dịch vụ vào ngày 10 tháng 8 năm 2008, trị giá : 598.181.818 đồng , của công ty TNHH Hùng Dũng. Xe ô tô là xe nhập khẩu từ Nhật, chưa qua sử dụng. Thuế suất giá trị gia tăng 10%. Công ty sử dụng nguồn vốn tự có để mua TS.

* Các chứng từ và sổ chi tiết :

Hóa đơn GTGT mua xe TOYOTA 7 chỗ ngồi của công ty TNHH Hùng Dũng

Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu

Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật, và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu.

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt

Biên lai thu lệ phí trước bạ

Tờ khai lệ phí trước bạ

Sổ chi tiết TSCĐ

Sau đây là các chứng từ sao chép từ chứng từ gốc:

2.2.1.2 Kế toán giảm TSCĐ:

Ngày 20/02/2008, công ty Tùng Phát tiến hành nhượng bán xe mooc 16R-1808 cho công ty cổ phần thương mại Hải Thái, thuế suất : 5%. Chưa thanh toán.

* Các chứng từ và sổ chi tiết :

Hóa đơn GTGT bán rơ mooc 16R-1808 cho công ty Cổ Phần TM Hải Thái.

Hợp đồng mua bán giữa Tùng Phát và Hải Thái

Sổ chi tiết TSCĐ (Xem sổ chi tiết tại trường hợp 1)

Sau đây là các chứng từ sao chép từ chứng từ gốc dùng làm chứng từ đầu vào.

2.2.2 Quy trình nhập lệnh :

2.2.2.1 Kế toán tăng TSCĐ :

- Quy trình nhập lệnh như sau :

Trước hết, cần phân loại Tài sản nhập về thuộc Điều 07, Mục c, chuẩn mực 03 : Phương tiện vận tải , Thiết bị truyền dẫn.

Vào chương trình kế toán làm việc của công ty Tùng Phát trên Desktop.

Click vào phần Nhập chứng từ kế toán.

Sử dụng Tabs để di chuyển các vào phần tiếp theo: -> Tăng TSCĐ->Nhập thông tin về tài sản, trong đó ta nhập:

_ Chọn tháng nhập tài sản :

_ Chọn loại TS : 211130 - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn.

Rồi chọn Nhóm : 21113_01 là Ô tô.

_ Vào Ngày nhập chứng từ :10/08/09

_ Số chứng từ : NTS10/08

_ Tên TS : Ô tô con 7 chỗ ngồi.

_ Năng lực : chở 7 người

_ Ghi chú : TOYOTA

_ Năm SX : 2008

_ Năm đưa vào SX : 2008

_ Nước SX :Nhật

_ Tình trạng : sử dụng.

_ Chọn trích TK khấu hao : TK642

_ Chọn Bộ phận quản lý TS : Giám đốc

_ Chọn NG TS : chọn Nguồn vốn đầu tư là Nguồn vốn chủ sở hữu _ TK 411.

_ Thời gian khấu hao : 10 năm.

Cuối cùng ta chọn Ghi để hoàn tất việc nhập dữ liệu -> In sổ

Sau đây là hình ảnh giao diện để nhập dữ liệu;

2.2.2.2 Kế toán giảm TSCĐ:

- Quy trình nhập lệnh như sau :

Vào chương trình kế toán làm việc của công ty Tùng Phát trên Desktop.

Click vào phần Nhập chứng từ kế toán.

Sử dụng Tabs để di chuyển các vào phần tiếp theo.

Tab vào phần Giảm TSCĐ

Tab vào phần nhập thông tin về tài sản, trong đó ta nhập:

_ Chọn tài sản giảm .

Cuối cùng ta chọn Ghi để hoàn tất việc nhập dữ liệu. In sổ

Xem giao diện như ở trường hợp 1

2.2.3 Kế toán tổng hợp TSCĐ:**2.2.3.1 Kế toán tăng TSCĐ :**

* Trình tự hạch toán:

Khi tài sản về đến công ty, kèm theo hóa đơn đầu vào, kế toán ghi :

Nợ TK 2411: 598.181.818 đ

Nợ TK 133 : 59.818.182 đ

Có TK 331: 638.000.000 đ

Công ty tiến hành làm đăng ký xe, nộp lệ phí trước bạ thì nhận được 1 biên lai, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số tiền 2.400.000 đ, kế toán ghi :

Nợ TK 2411 : 13.580.000 đ

Có TK 1111 : 13.580.000 đ

Công ty tiếp tục tiến hành kiểm định chất lượng xe theo quy định của nhà nước, phí kiểm định là 150.000 đ, sau khi kế toán nhận được hóa đơn đầu vào , ghi nhận như sau:

Nợ TK 2411: 150.000 đ

Nợ TK 133 : 15.000 đ

Có TK 1111: 165.000 đ

Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của nhà nước, ô tô được đưa vào sử dụng, kế toán ghi nhận vào tài sản của công ty:

Nợ TK 2113 : 611.761.818 đ

Có TK 2411 : 611.761.818 đ

Xem các sổ sau đây:

Sổ NKC

Sổ cái TK 211

Sổ TSCĐ trong tháng 2/2008 (do các nghiệp vụ phát sinh đều nằm trong tháng 2)

2.2.3.2 Kế toán giảm TSCĐ :

- Kế toán ghi nhận như sau:

Nợ TK 1311 : 60.900.000

 Có TK 333111 : 2.900.000

 Có TK 711: 58.000.000

Đồng thời ghi nhận doanh thu khác:

Nợ TK 131: 42.000.000 đ

 Có TK 711 : 40.000.000 đ

 Có TK 3331: 2.000.000 đ

Xem

Sổ NKC

Sổ cái TK 211 tháng 2/2008 sau đây:

2.2.3. 3 Kế toán khấu hao TSCĐ :

Hiện nay, công ty Tùng Phát đang thực hiện việc quản lý TSCĐ theo QĐ 206/2003/BTC ban hành ngày 12/12/2003.

Chế độ kế toán công ty vận dụng theo QĐ số 48/2006/BTC.

Công ty tiến hành ghi chép thời gian sử dụng theo quy định của nhà nước, dựa trên khung thời gian đã quy định đối với từng loại tài sản.

Công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao đều, trích khấu hao định kỳ hàng tháng, vào cuối mỗi tháng. Cách tính mức trích khấu hao TSCĐ tại công ty Tùng Phát như sau:

+ Đối với tài sản có số năm sử dụng là 5 năm:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{NG của TSCĐ}}{5 \text{ năm}} = M1$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng tháng} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{M1}{12}$$

+ Đối với tài sản có số năm sử dụng là 6 năm:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{NG của TSCĐ}}{6 \text{ năm}} = M2$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng tháng} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{M2}{12}$$

+ Đối với tài sản có số năm sử dụng là 7 năm:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{NG của TSCĐ}}{7 \text{ năm}} = M3$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng tháng} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{M3}}{12}$$

+ Đối với tài sản có số năm sử dụng là 8 năm:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{NG của TSCĐ}}{8 \text{ năm}} = \text{M4}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng tháng} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{M4}}{12}$$

+ Đối với tài sản có số năm sử dụng là 10 năm:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{NG của TSCĐ}}{10 \text{ năm}} = \text{M4}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng tháng} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{M4}}{12}$$

Kế toán trích khấu hao hàng tháng :

Trong tháng đã nhập các dữ liệu về biến động TSCĐ vào máy.

Cuối tháng, máy tự động trích khấu hao tự động .

- Quy trình nhập dữ liệu :

Click vào chương trình kế toán của công ty, sau đó vào phần Nhập chứng từ kế toán, chọn Trích khấu hao:

Tabs-> Tháng trích khấu hao -> Diễn giải phần trích hao tháng .-> Ghi.

Xem phần giao diện tại trường hợp 1 – phần tăng tài sản.

- Hàng tháng, kế toán dựa vào các biến động của TSCĐ phát sinh, sẽ tiến hành vào máy, máy tự động tiến hành tính mức khấu hao theo hình thức khấu hao đều, tùy theo thời gian mà công ty dự kiến sẽ sử dụng TSCĐ đó.

Xem bảng tính và phân bổ khấu hao dưới đây:

* Máy tiền hành phân bổ TSCĐ vào 2 khoản mục là TK627 và TK 6424 .

Sau đó, máy tổng hợp khấu hao và tiền hành vào sổ tổng hợp.

Kế toán tiền hành ghi nhận như sau:

Nợ TK 627 : 39.601.851

Có TK 214 : 39.601.851

Vá

Nợ TK 642 : 4.078.683

Có TK 214 4.078.683

Xem

Sổ NKC

Sổ cái Tk 214

Chi tiết phân bổ khấu hao tháng 2/2008 -> Bảng tổng hợp phân bổ khấu hao tháng 2/2008 -> Sổ KH TSCĐ tháng 2/2008 -> Sổ KH Tổng hợp sau đây.

PHẦN III :
CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TSCĐ
TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VẬN TẢI TÙNG PHÁT

3.1.ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY:

3.1.1. Những kết quả đạt được :

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty là phù hợp với quy mô và đặc điểm của hình thức kinh doanh vận tải. Nó gọn nhẹ, việc phân công lao động là rất cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng nhân viên kế toán.

Mọi phần hành chính của công tác kế toán đều được theo dõi, tổ chức đầy đủ đúng nội quy, đúng theo quy định của nhà nước.

Công ty đã sử dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung , đây là hình thức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động, nhu cầu thông tin và khả năng, điều kiện cơ sở vật chất của công ty. Hình thức kế toán này đã tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán của công ty ứng dụng khoa học công nghệ thông tin vào công tác kế toán, đồng thời giúp cho kế toán vận dụng linh hoạt các mẫu sổ kế toán trong điều kiện kế toán máy. Việc mở và ghi đầy đủ số liệu về TSCĐ trên Thẻ TSCĐ, Sổ TSCĐ và Sổ theo dõi TSCĐ tại đơn vị sử dụng đã góp phần cung cấp thông tin về quá trình quản lý và sử dụng của từng TSCĐ, từng loại TSCĐ, bao gồm NG, tình hình trích khấu hao, số khấu hao lũy kế tính đến thời điểm giảm TSCĐ, lý do giảm TSCĐ, đồng thời tăng cường thực hiện trách nhiệm vật chất đối với các cá nhân, bộ phận liên quan trong việc quản lý và sử dụng TSCĐ của công ty Tùng Phát.

Việc áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng theo nguyên tắc tròn tháng trong công ty đơn giản, dễ làm, tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý trong việc theo dõi và kiểm soát các chi phí SXKD khác vì chi phí khấu hao đã làm một con số ổn định. Việc phân bổ chi phí khấu hao của công ty cũng được tiến hành một cách đều đặn, đầy đủ, và đơn giản.

Việc hạch toán các trường hợp tăng, giảm, thuê, cho thuê, khấu hao và sửa chữa TSCĐ trong DN về cơ bản được thực hiện như quy định của Chế độ kế toán.

Hệ thống BCTC nói chung, báo cáo về TSCĐ nói riêng trong công ty tương đối đầy đủ, kịp thời và chính xác. Các báo cáo tăng TSCĐ, báo cáo kết quả kiểm kê TSCĐ là căn cứ quan trọng trong việc kiểm tra, đối chiếu số liệu với sổ kế toán và BCTC. Việc ghi chú đầy đủ, chính xác thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh, trong đó có các thông tin cụ thể về tăng, giảm TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính; GTCL của TSCĐHH dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay; NG TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng; Chi phí xây dựng cơ bản (XD CB) dở dang và Chi phí khấu hao TSCĐ đã cung cấp thông tin toàn diện và chi tiết cho quản lý về tình hình hiện có và biến động của từng loại TSCĐ, giải thích rõ ràng cho các khoản mục được trình bày trong BCTC của công ty Tùng Phát.

Việc quản lý TSCĐ trong công ty Tùng Phát được thực hiện tương đối bài bản và chặt chẽ. Quy trình thủ tục của các trường hợp mua sắm, XD CB, thuê, cho thuê, thanh lý, nhượng bán, sửa chữa TSCĐ trong công ty Tùng Phát là hợp lý, các bước công việc diễn ra theo một trình tự xác định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát của quản lý. Hiệu quả sử dụng TSCĐ trong công ty Tùng Phát tương đối khả quan, có chiều hướng tăng dần qua các năm. Sức sản xuất và sức sinh lời của TSCĐ tăng, trong khi suất hao phí của TSCĐ giảm. Nguồn vốn đầu tư TSCĐ trong công ty Tùng Phát chủ yếu là nguồn tài trợ vay, nợ bên ngoài. Tuy nhiên, suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (CSH) trong công ty Tùng Phát là hợp lý trong tương quan với mặt bằng tỷ lệ lãi suất cho vay của thị trường.

Những nỗ lực của công ty Tùng Phát trong việc hạch toán và quản lý TSCĐ đã đóng góp nhất định vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và hiệu quả kinh doanh, vị thế của công ty Tùng Phát nói riêng.

3.1.2. Những tồn tại về kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Tùng Phát và nguyên nhân :

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong quản lý và hạch toán TSCĐ, công ty Tùng Phát vẫn còn một số hạn chế nhất định cần khắc phục và hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu năng quản lý và hiệu quả kinh doanh.

Hiện nay, kế toán công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy, song do không thường xuyên nâng cấp, nên phần mềm thường gặp phải một số lỗi cơ bản như sau: phông chữ thường bị thay đổi dẫn đến thông tin sai lệch, hay nhiều khi bị lỗi phần mềm nên máy không thể in được một số loại sổ cần thiết để lưu...

Các hình thức đầu tư TSCĐ trong công ty còn đơn giản, phần lớn chỉ bao gồm tăng do mua, và góp vốn, chưa khai thác các hình thức khác như mua trả góp hay trao đổi TSCĐ. Trong điều kiện khả năng tài chính còn hạn hẹp, nhu cầu về số lượng, chủng loại và chất lượng của TSCĐ trong công ty ngày càng cao, cần đa dạng hoá các hình thức đầu tư TSCĐ sao cho phù hợp với yêu cầu sử dụng, khả năng tài chính và tính hiệu quả kinh tế.

Công ty Tùng Phát áp dụng duy nhất phương pháp tính khấu hao truyền thống là phương pháp đường thẳng và tính toán theo nguyên tắc tròn tháng cho tất cả các loại TSCĐ. Việc làm này tuy tạo ra sự đơn giản cho quản lý và hạch toán nhưng không đánh giá sát hợp mức độ hao mòn thực tế của TSCĐ, đặc biệt là những TSCĐ có mức độ hao mòn vô hình tương đối lớn. Mặt khác, khi TSCĐ tăng hoặc giảm vào những ngày đầu tháng mà tháng sau mới được tính hoặc thôi tính khấu hao thì sai lệch trong kết quả tính khấu hao TSCĐ có thể là một con số không nhỏ.

Với việc tính khấu hao đường thẳng cũng vô hình làm gia tăng thuế TNDN, giảm lợi nhuận của công ty, bởi, Tùng Phát là công ty kinh doanh lĩnh vực vận tải, doanh thu phụ thuộc vào tần suất các chuyến hàng mà công ty vận chuyển. Mà trong khi đó, tần suất vận chuyển là không cố định, do đó, doanh thu của công ty cũng không cố định. Mà mức trích khấu hao là luôn cố định, làm ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế.

Công ty Tùng Phát hiện nay đang sử dụng một lượng lớn TSCĐ tương đối cũ, lỗi thời, lạc hậu, cần được đổi mới, nâng cấp. Điều này có thể là cần thiết khi năng lực sản xuất của TSCĐ vẫn đảm bảo, công ty còn gặp khó khăn về nguồn lực tài chính trong việc đầu tư, đổi mới, nâng cấp TSCĐ. Tuy nhiên, nếu duy trì sử dụng một lượng lớn TSCĐ này có thể ảnh hưởng đến năng lực kinh doanh, sự an toàn của mỗi chuyến hàng vận chuyển và sự an toàn cho các lái xe.

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ trong công ty Tùng Phát hiện nay được tính trực tiếp trên cơ sở từng TSCĐ không thể hiện số khấu hao trích kỳ trước, số khấu hao tăng và giảm trong kỳ. Mặt khác, khấu hao TSCĐ trong những ngày không sử dụng được hạch toán vào chi phí quản lý DN là không hợp lý bởi lẽ những TSCĐ này được sử dụng cho mục đích vận tải chứ không phục vụ quản lý DN.

Công ty Tùng Phát chưa xây dựng quy chế tài chính nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng TSCĐ áp dụng trong công ty. Quy chế tài chính nội bộ quy định nội dung, trình tự ghi nhận doanh thu, chi phí, thẩm quyền phê duyệt đầu tư, điều chuyển, thanh lý, nhượng bán tài sản nói chung, TSCĐ nói riêng, nhận vốn góp, phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ, mục đích sử dụng các quỹ, chế độ kế toán, kiểm toán... Quy trình quản lý, sử dụng TSCĐ đề cập cụ thể đến các vấn đề tổ chức, kinh tế, kỹ thuật trong việc đầu tư, điều chuyển, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Việc ban hành và áp dụng quy chế tài chính nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng TSCĐ sẽ tạo ra sự thống nhất, minh bạch và công khai trong quá trình thực hiện, làm tăng tính hiệu năng của công tác quản lý, và tính hiệu quả trong quản lý, sử dụng TSCĐ.

Công ty Tùng Phát hiện nay chưa tổ chức kế toán quản trị TSCĐ và chưa tiến hành phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh nói chung và hiệu quả sử dụng TSCĐ nói riêng. Tất cả các phần hành kế toán tại phòng kế toán của công ty, trong đó có phần hành TSCĐ, đều thực hiện chức năng kế toán tài chính. Việc phân tích hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng TSCĐ không được tiến hành, không tổ chức bộ máy phân tích và xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích và xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích, đánh giá. Công ty Tùng Phát chỉ tiến hành tính toán một số chỉ tiêu phục vụ cho việc đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh khi lập Thuyết minh BCTC vào cuối mỗi năm.

Những hạn chế trên đây xuất phát từ những nguyên nhân khách quan là hoạt động SXKD của công ty diễn ra ngoài trời, chịu ảnh hưởng nhiều của điều kiện tự nhiên, TSCĐ và các điều kiện sản xuất thường xuyên phải di chuyển, nhu cầu về số lượng, chủng loại TSCĐ hiện đại ngày một tăng trong khi khối lượng công việc không đều giữa các thời điểm trong năm. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách quản lý

kinh tế của Nhà nước nói chung, chính sách tài chính, kế toán nói riêng thường xuyên thay đổi, nhiều điểm không thống nhất đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức thực hiện của các DN, công ty. Bên cạnh đó, có nguyên nhân chủ quan là hạn chế về số lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán trong công ty Tùng Phát so với khối lượng công việc và yêu cầu chất lượng thông tin ngày càng cao. Mặt khác, công tác tài chính, kế toán chưa được công ty Tùng Phát quan tâm đúng mức.

Tất cả những hạn chế, tồn tại này chỉ được khắc phục triệt để thì công tác quản lý kinh doanh nói chung, quản lý và hoặc toán TSCĐ nói riêng của công ty mới thực sự có hiệu quả, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của DN trên thương trường.

3.2 KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH TÙNG PHÁT :

Tuy thời gian tìm hiểu nghiên cứu thực tế tại công ty bản thân em còn nhiều mặt hạn chế về kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tế. Song căn cứ vào một số tồn tại trong công tác quản lý TSCĐ tại công ty. Em cũng mạnh dạn nói lên những suy nghĩ chủ quan của mình, đề xuất đóng góp một vài ý kiến và giải pháp trong công tác quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ mong muốn góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

3.2.1. Kiến nghị giải pháp hoàn thiện phần mềm kế toán:

Hiện nay, do phần mềm kế toán gặp phải một số lỗi về định dạng thông tin và lỗi in văn bản, như vậy công ty cần có sự kiểm tra, nâng cấp phần mềm của mình, nhằm tạo ra độ chính xác cho thông tin kế toán.

Do cơ quan quản lý phần mềm ở tại Hà Nội nên công ty cần liên lạc, thông báo chi tiết về lỗi phần mềm và yêu cầu được nâng cấp chỉnh sửa cho phù hợp.

3.2.2. Kiến nghị giải pháp đa dạng hóa phương thức đầu tư TSCĐ :

a/ Cơ sở đề xuất :

Hiện nay, công ty Tùng Phát chủ yếu đầu tư TSCĐ bằng cách mua, vay ngân hàng để mua, hoặc dùng TSCĐ khác thế chấp để mua TSCĐ.

Ngoài ra, công ty còn tiếp nhận TSCĐ góp vốn của thành viên chủ sở hữu công ty. Điều này là do nguồn vốn của công ty còn hạn chế, cơ chế vay khó khăn.

Chính do sự tồn tại này làm hạn chế năng lực kinh doanh của công ty, bởi không đủ nguồn lực, phương tiện vận tải nên nhiều hợp đồng lớn đã bị hủy bỏ.

b/ Nội dung :

b1/ Mua TSCĐ trả góp:

Công ty hiện có một khối lượng TSCĐ khá ổn định và lượng hàng hóa là dồi dào, cùng với số lượng bán hàng phong phú, đã hình thành uy tín cho công ty, từ đó cũng có thể giúp cho công ty lạc quan nếu có thêm lượng phương tiện vận tải , thì hoàn toàn có điều kiện đáp ứng.

Do đó, công ty nên tăng cường lượng phương tiện vận tải bằng các hình thức đầu tư khác nhau, trong đó có thể sử dụng phương thức đầu tư TSCĐ ằng cách mua TSCĐ trả góp.

Nhờ đó, công ty có thể không phải tiến hành vay nợ các tổ chức tín dụng, đồng thời vẫn có thêm phương tiện vận chuyển, gia tăng doanh thu, và tăng thêm lượng vốn lưu động bằng tiền mặt đáp ứng các nhu cầu tức thời khác của công ty.

b2/ Trao đổi TSCĐ :

Đây là một giải pháp nhằm loại bỏ những TSCĐ (không thiết yếu) mà công ty mua về mà chưa có nhu cầu sử dụng tới, hoặc có sử dụng nhưng hiệu quả sử dụng lại không cao, hoặc không dùng tới nhiều, thay vào đó đối với công ty khác, nó lại có hiệu quả sử dụng rất lớn, họ đang rất cần, đang có nhu cầu mua sắm.

Để thực hiện được giải pháp này, công ty Tùng Phát đòi hỏi phải có mối quan hệ rộng rãi, từ đó mới có thể tìm hiểu được nơi cần thứ mình có, và nơi có thứ mình cần.

Cần phải định giá chính xác và tìm hiểu kỹ lưỡng về TSCĐ mà mình trao đổi.

Nếu có sự chênh lệch về giá trị thì tùy theo tình hình thực tế mà tiến hành trao đổi.

b3/ Thuê tài chính TSCĐ:

Hiện nay công ty Tùng Phát chưa tiến hành một hoạt động thuê tài chính nào cả. Điều này là một điều rất đáng tiếc với một DN cần số lượng phương tiện vận tải lớn như Tùng Phát.

Đó là do DN ngại việc thuê tài chính nhiều thủ tục hành chính, phương thức kế toán tài chính khá phức tạp Đồng thời, để tìm được công ty cho thuê tài chính trong lĩnh vực phương tiện vận tải hợp lý ở Hải Phòng là không nhiều

Nhưng đó là về mặt sổ sách, còn thực tế thì mang lại rất nhiều lợi ích cho công ty.

Thứ nhất, về mặt tài chính, công ty sẽ không phải chi trả ngay một số vốn lớn để mua TSCĐ, mà vẫn có ts để tiến hành kinh doanh, mng lại doanh thu, lợi nhuận.

Thứ hai, đó là gia tăng nguồn lực, mở rộng quy mô kinh doanh, giúp cho công ty tự tin hơn khi tiến hành nhận những hợp đồng lớn.

Thứ ba, công ty sẽ có thể có thêm được những phương tiện vận tải đời mới.

c/ Điều kiện thực hiện :

Để thực hiện được giải pháp này, đòi hỏi công ty phải có cơ sở là nguồn hàng dồi dào và ổn định, tình hình kinh doanh tốt và được thể hiện rõ nét trên báo cáo tài chính.

3.3.3. Kiến nghị giải pháp về thay đổi phương pháp khấu hao:

a/ Cơ sở đề xuất:

Hiện nay công ty đang tiến hành áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng còn có một số hạn chế nhất định, nên để hạn chế các điểm tồn tại đó, em xin đề xuất giải pháp thay thế phương pháp khấu hao đường thẳng bằng phương pháp tính khấu hao theo số lượng sản phẩm.

Những hạn chế của phương pháp khấu hao đều là:

Mức tính khấu hao là cố định hàng tháng, nên không phản ánh được chi phí chính xác tùy theo doanh thu của công ty. Điều này cũng làm cho kết quả kinh doanh chưa phản ánh chính xác. Đồng thời, cũng làm cho mức thuế phải nộp ngân sách nhà nước không chính xác, điều này cũng có thể gây bất lợi cho DN.

Phương pháp này cũng làm cho việc trích khấu hao đối với các tài sản có biến động sai lệch do việc tăng, giảm TSCĐ vào ngày đầu tháng này, mà tháng sau mới trích. Nó làm gia tăng chi phí.

b/ Nội dung :

Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm sẽ khắc phục phần lớn các hạn chế của phương pháp khấu hao đường thẳng.

Trước hết, cần phải dự tính tổng số km mà công ty sẽ sử dụng tài sản để vận chuyển. Sau đó, tính toán NG chính xác của tài sản. (công ty nên sử dụng số liệu của các công ty đã tính trước).

Từ đó mà tính ra chi phí khấu hao cho từng km.

Khi nhận bất cứ chuyến hàng nào thì kế toán tiến hành xem xét quãng đường mà tính các chi phí mà đưa ra giá thành cho hợp lý nhất.

c/ Điều kiện áp dụng:

Cần có sự tính toán cẩn thận của kế toán viên và nắm bắt kịp thời và chính xác việc sử dụng TSCĐ vào kinh doanh.

Cần có sự quản lý chi tiết về quãng đường đi của các TSCĐ.

3.3.4. Kiến nghị giải pháp nâng cấp TSCĐ:

a/ Cơ sở :

Kiến nghị này của em đưa ra dựa trên tình hình sử dụng TSCĐ tại công ty đã có một bộ phận không nhỏ là lỗi thời.

Tại công ty Tùng Phát, đa phần các phương tiện vận tải tiến hành kinh doanh đều là do công ty mua TSCĐ đã qua sử dụng. Do đó, trong quá trình sử dụng cần phải sửa chữa và nâng cấp cho phù hợp với tần suất vận chuyển hàng hóa, giúp cho việc vận chuyển an toàn và kịp thời.

Tuy nhiên, do trong công tác quản lý, ban lãnh đạo chưa chú trọng tới vấn đề này, nên đã khiến cho hiệu quả kinh doanh giảm xuống đáng kể. Cụ thể là : rất nhiều các chuyến xe đã gặp vấn đề về kỹ thuật nên chậm xuống hàng, làm chậm chu kỳ chu chuyển hàng tiếp theo, nên công ty nhiều lần đã bị phạt từ phía chủ hàng: Hay năm nào cũng xảy ra tai nạn giao thông rất nguy hiểm ...

b/ Nội dung :

Trước hết công ty cần phải tiến hành phân loại các phương tiện vận tải còn mới, còn sử dụng được và đã lỗi thời.

Sau đó, công ty lập danh sách và kiểm tra lại các phương tiện vận tải đang dùng, xem xét tình trạng của các tài sản này như thế nào.

Bước tiếp theo công ty sẽ tiến hành lựa chọn xưởng sửa chữa có uy tín, giá thành hợp lý và tiến hành làm hợp đồng nâng cấp, sửa chữa tài sản đó.

Công ty cũng cần phải xem xét cái nào cần sửa trước, cái nào chưa cần sửa ngay, bởi công ty có quy mô nhỏ, nguồn lực tài chính chưa mạnh, cần phải cân nhắc kỹ lưỡng.

Công ty nên thành lập một bộ phận chuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng xe thường xuyên. Hoặc liên kết với 1 xưởng sửa xe có tay nghề, giá cả hợp lý, và có mối quan hệ thân thiết với ban lãnh đạo của công ty.

c/ Điều kiện thực hiện :

Để thực hiện kiến nghị này, công ty cần có một quỹ dự phòng chuyên về nâng cấp, sửa chữa TSCĐ.

Ban lãnh đạo công ty luôn theo dõi sát sao tình trạng sử dụng TSCĐ.

3.3.5. Kiến nghị giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức nghề nghiệp của đội ngũ lái xe:

a/ Cơ sở đề xuất :

Hiện nay, hầu hết các lái xe container đều không quan tâm tới trách nhiệm khi tham gia giao thông, ý thức khi điều khiển xe là rất chủ quan, do đó mà đã gây ra những vụ tai nạn giao thông hết sức thảm khốc. Ngoài ra, các lái xe không thường xuyên cập nhật các qui định mới của pháp luật, hay các thay đổi khác mà bộ giao thông đã đề ra, nên thường có những sai phạm không nên có, qua đó mà làm gia tăng chi phí, làm giảm lợi nhuận của công ty, hay mất uy tín của công ty.

Mặc dù tại Tùng Phát, công ty vẫn có tổ chức những đợt hạch soát các lái xe định kỳ theo qui định của nhà nước, song thực tế, các đợt hạch soát này diễn ra hết sức sơ sài, không có tính giáo dục ý thức cao mà chỉ mang tính chất kiểm tra lại tay nghề mà thôi. Bên cạnh đó, công ty không đầu tư vào việc nâng cao tay nghề cho lái xe và ít quan tâm đến tâm tư và đời sống của đội ngũ lái xe. Những điều này làm cho đội ngũ lái xe sẽ giảm đi phần nào đó sự nhiệt tình với công việc và sự gắn bó với công ty.

b/ Nội dung :

Hàng năm, ban lãnh đạo bố trí sắp xếp và tổ chức cho toàn bộ nhân viên trong công ty có buổi học tập và tiếp cận với những thay đổi mới về pháp luật. Đồng thời, trong công ty nên phân bổ công việc cập nhật tin tức, thay đổi trong quãng đường mà công ty phải vận chuyển hàng, từ đó, báo cho đội ngũ lái xe biết. người đó có thể là người quản lý đội xe.

Bên cạnh đó, công ty nên tổ chức một chuyến đi du lịch gần cho nhân viên trong toàn công ty nhằm gắn kết tình cảm giữa công ty và nhân viên thông qua việc quan tâm tới đời sống nhân viên.

Trong quá trình tiến hành quản lý quá trình kinh doanh, ban lãnh đạo công ty cần phải xem xét và đánh giá chất lượng của đội ngũ lái xe - người sử dụng trực

tiếp phương tiện vận tải, quan sát ý thức làm việc, tay nghề ... Từ đó là giữ lại hay loại bỏ những cá nhân thiếu trách nhiệm với bản thân, công ty và xã hội.

c/ Điều kiện thực hiện :

Để thực hiện giải pháp này, công ty cần liên kết với một trung tâm dạy nghề để tổ chức các lớp học, hoặc mời những người có chuyên môn về hướng dẫn.

Công ty cần phân bổ hoặc chỉ định người chuyên trách về quan tâm tới đời sống nhân viên trong công ty, và cũng đồng thời biết sàng lọc những nhân viên tốt và chưa đủ tiêu chuẩn nghề nghiệp,

KẾT LUẬN

TSCĐ giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm của DN. TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật trực tiếp để tiến hành sản xuất tạo ra sản phẩm, chất lượng của sản phẩm phụ thuộc rất lớn vào trình độ kỹ thuật của máy móc thiết bị, công tác quản lý chặt chẽ, không ngừng đổi mới nâng cao trình độ máy móc thiết bị, phát huy được hiệu quả cao nhất của những máy móc thiết bị chính là chìa khoá để các nhà sản xuất thâm nhập thị trường.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Tùng Phát đã giúp em vận dụng những kiến thức được trang bị ở nhà trường vào thực tế, đồng thời giúp củng cố kiến thức đã được học. Hơn thế nữa chương trình thực tập còn tạo điều kiện cho sinh viên chúng em có những kinh nghiệm làm kế toán để có thể vững tin khi ra công tác.

Chuyên đề này đã được hoàn thành dựa trên cơ sở lý luận tại nhà trường và thực tế hoạt động kế toán tại công ty. Những kiến nghị nêu trên không phải là những phát hiện mới mà chỉ là những nội dung nhằm bổ sung cho công tác quản lý và hạch toán TSCĐ được hoàn thiện hơn, bởi vì đây là một vấn đề hết sức rộng và phức tạp. Hơn nữa giữa thực tế và lý luận có một khoảng cách nhất định nên chuyên đề này không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo hướng dẫn của các thầy cô trong khoa để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn TS. Nghiêm Thị Thà và các anh chị phòng kế toán của Công ty TNHH Tùng Phát đã tận tình hướng dẫn em trong quá trình thực hiện để hoàn thành chuyên đề thực tập này.

Em xin chân thành cảm ơn!